

# CHUYÊN ĐỀ THƠ HSG

## 1. Thơ trong mối quan hệ với hiện thực

Thơ là cuộc hôn phối giữa con người và vũ trụ. Thơ luôn tìm về với cuộc sống, thơ ở trong cuộc sống nên “Nhà thơ tuy chẳng muốn, cũng thấy mình bị ràng buộc vào cuộc biến chuyển của lịch sử” (Saint John Perse). Như vậy, dù ý thức hay vô thức, thơ vẫn chảy trong biển lớn cuộc đời và nhà thơ không thể đứng ngoài dòng chảy ấy. Hơn ai hết, họ phải là người cảm nhận cuộc sống mãnh liệt nhất, tế vi nhất.

“Thơ phản ánh đời sống con người trên toàn diện sinh động của nó từ mặt tàng (hành động) tới đáy tàng (tâm linh) qua hết mọi phương diện xã hội”

## 2. Nhà thơ và quá trình sáng tạo

Để đi vào thế giới nghệ thuật thơ, có lẽ chúng ta cần xác định nhà thơ – họ là ai? Vì chính sứ mệnh nhà thơ chi phối quá trình sáng tạo thi ca. Với Trần Nhựt Tân, “Thi sĩ là người duy nhất có được ngôn ngữ: hần đã vượt thoát được ngôn ngữ. Thi sĩ là người duy nhất có thể vượt thoát được hổ thẳm, lập ngôn”. “Thơ là những xúc động đặc biệt được diễn tả bằng một ngôn ngữ đặc biệt của một sinh linh có năng khiếu đặc biệt mệnh danh là thi sĩ”.

Như vậy, trong quan niệm của các nhà lý luận phê bình văn nhà thơ không phải là người bình thường mà là người nghệ sĩ có phẩm chất khác thường. Thật vậy, sáng tạo thi ca là quá trình phức tạp. Như một ngọn nến, thi nhân tự đốt cháy tâm hồn mới mong thơ tỏa sáng giữa cuộc đời. Vì *“thơ là kết tinh, thơ là ngọc đọng, thơ là phiến Kỳ nam trong rừng trầm hương, thơ là hạt minh châu trong biển hạt trai, thơ là tinh hoa trong vườn phương thảo”*. Quá trình sáng tạo của nhà thơ là sự kết tinh của *“hồn thơ”*. Để sáng tác thi ca ngoài phần kỹ thuật, thi pháp cũng như nội dung tư tưởng, “còn đòi hỏi một nguyên lý sinh động đó là cái hồn thơ, cái khả năng cảm hứng và diễn tả của nhà thơ nó làm cho nội dung kết cấu với hình thức và bài thơ có một sức sống linh diệu” (Nguyễn Sĩ Tế). Và “Những chất thơ có được trong tác phẩm đều xuất phát từ một hồn thơ. *Hồn thơ là nguồn suối nguyên sinh của cái đẹp nghệ thuật tìm thấy trong một sáng tạo đam mê*” (Trần Nhựt Tân).

Với các nhà lý luận phê bình văn học, hồn thơ là yếu tố không thể thiếu trong quá trình sinh thành thơ ca. Nó không những là nguyên nhân, động lực, là *“nỗi niềm tình vân”* dậy lên đam mê và khát khao sáng tạo mà còn là tiếng gọi từ trong vô thức của người thơ. “Chất thơ thường hướng về tác phẩm, tức là ngoại giới, hồn thơ là dư vang chưa thành hình còn đang ở trong trạng thái tiềm thế, đồng hóa với mỹ cảm sống động trong tâm hồn thi sĩ”

## 3. Ngôn ngữ và hình ảnh thơ

“Thơ là nghệ thuật lấy ngôn ngữ làm cứu cánh” (Jakobson). Đó là thứ ngôn ngữ được chưng cất công phu vì “bài thơ là tổ chức ở trình độ cao của ngôn ngữ, một tổ chức chặt chẽ tinh tế của ngôn ngữ”. Vì vậy với các nhà lý luận phê bình văn học, ngôn ngữ thơ là một phương tiện hình thức luôn được coi trọng, ngôn ngữ luôn là một giá trị không thể phủ nhận trong thơ, vì “thơ tức là phần tinh lọc nhất của ngôn ngữ” (Nguyễn Quốc Trụ). Và “ngôn ngữ thi ca là thứ ngôn ngữ kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ và tư tưởng và nhiệm vụ của thi nhân là phải tạo nên sự nhiệm màu kỳ diệu ấy”. Đây mới thực sự là yếu tố làm nên giá trị thơ ca. Tư tưởng trong ngôn ngữ thơ như một chiếc dây điều vừa đưa thơ cất cánh bay cao, bay xa trong bầu trời của thực và mộng vừa neo thơ lại với bầu khí quyền đời sống. Ngôn ngữ thơ theo Phú Hưng *“không phải là một thứ ngôn ngữ xác ve sau mùa hè đã im bất tiếng kêu mà đó là một thứ ngôn ngữ không ngừng biến sinh mãnh liệt”*. Song ngôn ngữ trong thơ không phải là ngôn ngữ nguyên sinh của đời sống. Đó là ngôn ngữ có giá trị tạo nghĩa, là một thứ *“bóng chữ”*. Nó có một *“ma lực”* riêng, nhiều khi vượt thoát khỏi ý thức của người cầm bút để trở thành một thứ ám ảnh của vô thức. Như một *“tiếng chim gọi đàn”*, nó tràn ra ngòi bút của thi nhân và phóng chiếu thành những cảm hứng sáng tạo. Ngôn ngữ thơ vì thế “không những khác biệt ngôn ngữ nhật dụng, nó còn biệt lập với người cầm bút, nó còn khả năng tự tồn, sinh sôi, nảy nở *“Chữ để ra chữ và ra nghĩa”* (Bùi Hữu Sùng)

## 4. Quan niệm về nhạc tính và âm điệu trong thơ

Cùng với ngôn ngữ và hình ảnh, nhạc tính và âm điệu trong thơ cũng là một yếu tố thi pháp được các nhà lý luận phê bình văn học ở đô thị miền Nam đề cập khá nhiều trong quan niệm thơ của

mình. Theo họ, “*Nhạc điệu là một yếu tính của thi ca. Thiếu nhạc tính thơ trở thành văn xuôi*”. Bởi nhạc tính như một nét duyên thầm làm nên vẻ đẹp của thơ, cũng là một yếu tố tạo mỹ cảm cho người đọc. “*Ly khai với nhạc tính, thơ chỉ còn là một nhan sắc trơ trẽn thiếu duyên*”(Tam Ích). Và “*Thơ là sự phối hợp của âm thanh*”. Thơ bao giờ cũng là sự kết hợp hài hòa giữa ý và nhạc. Nếu “*roi vào cái vực ý thì thơ sẽ sâu nhưng rất dễ khô khan. Roi vào cái vực nhạc thì thơ dễ làm say lòng người nhưng dễ nông cạn*” (Chế Lan Viên). Rõ ràng, nhạc tính là tiếng nói linh diệu của thi ca, gợi thức trí tưởng tượng của người đọc, nói như La Fontaine “*Chẳng có thơ nào không có nhạc, song chẳng có thơ nào không có tưởng tượng*”.

Là một yếu tố không thể thiếu trong thơ, nhạc được tạo nên từ cách dùng ngôn ngữ, cách gieo vần, phối thanh... Nếu ngôn ngữ và hình ảnh là những yếu tố song hành thì âm điệu cũng là yếu tố đồng hành với tính nhạc. Nói một cách hình ảnh, nếu ngôn ngữ là sợi dây đàn thì nhạc tính và âm điệu là những cung bậc thanh âm ngân lên từ sợi dây đàn ấy, “*âm điệu là bố cục của tiết nhịp*” mà “*nhạc tính là dây giao cảm của từng yếu tố trong toàn bộ bố cục ấy*”(Trần Nhật Tân). Vì vậy trong quan niệm lý luận phê bình văn học, âm điệu cũng là một yếu tố hình thức nghệ thuật quan trọng trong thơ. Việc kiến tạo âm điệu trong thơ cũng chính là kiến tạo nhạc tính. Và âm điệu cũng là chiếc cầu nối thơ với người đọc, nói như Trần Nhật Tân “*âm điệu là một cảm nghiệm thì tách như một sinh khí hội thoại của thơ với người thưởng lãm*”

Quan niệm về ngôn ngữ, hình ảnh, âm điệu và nhạc tính trong thơ của lý luận phê bình văn học cũng tương hợp với quan niệm thơ phương Tây và quan niệm thơ ca truyền thống của dân tộc. Bởi đây là những hằng số giá trị của thơ ca. Nhưng thơ vẫn còn những ẩn số khác mà con người phải khám phá trong quá trình tìm đến bản thể thơ. “*Thơ là vần điệu. Thơ là ý nghĩa tác động lên tâm hồn người đọc. Thơ là ẩn dụ nhằm gây rung động hay cảm xúc*” (Huỳnh Phan Anh). Thơ mãi là một thế giới đầy bí ẩn mà khi giải mã, không phải lúc nào cũng có sự thống nhất; ngay cả trong quan niệm về việc chú giải, phê bình.

## **5. Khái lược về thơ trữ tình:**

– Thơ là một thể loại VH được xây dựng bằng hình thức ngôn ngữ ngắn gọn súc tích, theo những quy luật ngữ âm nhất định, nhằm phản ánh tâm trạng, thái độ, tình cảm,... của người nghệ sĩ về đ/s thông qua những hình tượng NT.

– Trữ tình là phương thức phản ánh (hiện thực đ/s; hiện thực tâm trạng) bằng cách bộc lộ trực tiếp tình cảm, ý thức của tác giả thông qua cái tôi trữ tình, mang đậm dấu ấn cá nhân của chủ thể.

– Thơ trữ tình dùng để chỉ chung các thể thơ thuộc loại trữ tình, trong đó nhà thơ bộc lộ một cách trực tiếp những cảm xúc riêng tư, cá thể về đ/s, thể hiện tư tưởng về con người, cuộc đời và thời đại nói chung. Nội dung của thơ trữ tình là biểu hiện tư tưởng, tình cảm làm sống dậy cái thế giới chủ thể của hiện thực khách quan, giúp ta đi sâu vào thế giới của những suy tư tâm trạng, nỗi niềm.

## **6. Đặc điểm chung của thơ trữ tình:**

### **6.1. Tính trữ tình:**

Trữ tình là yếu tố quyết định tạo nên chất thơ. TP thơ luôn thiên về diễn tả những cảm xúc, rung động, suy tư của chính nhà thơ về cuộc đời. Những rung động ấy xét đến cùng là những tiếng dội của những sự kiện, những hiện tượng đ/s vào tâm hồn nhà thơ. Đây là đặc điểm cơ bản nhất của TP thơ. Nắm vững đặc điểm này ta sẽ có một định hướng rõ ràng trong việc tiếp cận, phân tích đúng TP thơ. Nghĩa là, khi phân tích TP thơ, ta không phải đi sâu vào mỗ xẻ, cắt nghĩa, lí giải về các chi tiết, sự kiện, sự việc được nhà thơ đề cập, mà điều cốt lõi là thấy và nói được những cảm xúc, tâm trạng, thái độ và suy tư của nhà thơ về các vấn đề trên.

### **6.2. Chủ thể trữ tình:**

Trong TP thơ ta luôn bắt gặp bóng dáng con người đang nhìn, ngắm, đang rung động, suy tư về cuộc sống. Con người ấy được gọi là chủ thể trữ tình. Nói cách khác, chủ thể trữ tình là con người đang cảm xúc, suy tư trong TP thơ. Nhân vật trữ tình trong TP thơ chỉ hiện diện, đối thoại với độc giả bằng những sắc thái tình cảm, thái độ tình cảm. Trong TP thơ, chủ thể trữ tình là yếu tố luôn có mặt để thể hiện nội dung trữ tình của TP. Cho nên, khi phân tích thơ, ta phải phân tích nội dung trữ tình. Muốn phân tích nội dung trữ tình thì nhất thiết, nắm bắt và phân tích được chủ thể trữ tình. Bởi lẽ, nội dung trữ tình luôn chứa trong chủ thể trữ tình.

### **6.3.Nội dung phản ánh trong thơ trữ tình:**

#### **6.3.1.Thơ trữ tình biểu hiện trực tiếp thế giới chủ quan của con người.**

Trong TP trữ tình, tình cảm, cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ ... được trình bày trực tiếp và làm thành nội dung chủ yếu của TP. Ở đây, nhà thơ có thể biểu hiện cảm xúc cá nhân mình mà không cần kèm theo bất cứ một sự miêu tả biến cố, sự kiện nào. Người đọc cảm nhận trước hết là thế giới nội tâm, là thái độ xúc cảm và tâm trạng của nhân vật trữ tình đối với con người, cuộc đời và thiên nhiên. Nhà thơ có thể không cần phải miêu tả kỹ về con người và những nguyên nhân cụ thể dẫn tới những tình cảm đó. Điều này chứng tỏ sự biểu hiện trực tiếp thế giới chủ quan của tác giả là đặc điểm tiêu biểu, đầu tiên của TP trữ tình.

#### **6.3.2. Thơ trữ tình phản ánh thế giới khách quan nhằm biểu hiện thế giới chủ quan.**

TP trữ tình biểu hiện cảm xúc chủ quan của nhà thơ nhưng điều đó cũng được xác lập trong mối quan hệ giữa con người và thực tại khách quan bởi vì mọi cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ của con người bao giờ cũng đều là cảm xúc về cái gì, tâm trạng trước vấn đề gì...Do đó, hiện tượng c/s vẫn được thể hiện trong TP trữ tình. Mặc dù thể hiện thế giới chủ quan của con người, TP trữ tình vẫn coi trọng việc miêu tả các sự vật, hiện tượng trong đ/s khách quan bằng các chi tiết chân thật, sinh động. Như vậy, TP trữ tình cũng phản ánh thế giới khách quan nhưng chức năng chủ yếu của nó là nhằm biểu hiện những cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ ... của con người.

#### **6.3.4.Đặc điểm của ngôn ngữ thơ trữ tình:**

##### **6.4.1.Ngôn ngữ thơ trữ tình hàm súc, cô đọng**

Để có một vần thơ lắng đọng, các nhà thơ phải lao động hết mình để lựa chọn ra những ngôn từ thơ tốt nhất diễn tả được cảm xúc tình cảm của mình. Đó là sự gọt giũa về mặt ngôn từ để tạo ra những từ ngữ thơ mà đọc lên người đọc ấn tượng và hiểu thấu nội dung tư tưởng nhà thơ gửi gắm.

##### **6.4.2. Ngôn ngữ thơ giàu tính nhịp điệu**

Trong thơ, sự phân dòng của lời thơ nhằm mục đích nhịp điệu, tạo ra nhịp điệu thơ. Cuối mỗi dòng thơ đều có chỗ ngắt nhịp. Tùy theo số chữ trong mỗi dòng mà nhịp thơ thể hiện khác nhau.Và theo từng cung bậc tình cảm thì nhà thơ sử dụng thể thơ 4 chữ, 5 chữ, 6 chữ, 7 chữ, 8 chữ hoặc dài hơn, hoặc ngắn hơn chen nhau...Ngoài ra, trong các thể thơ Việt nam như lục bát, song thất lục bát tứ tuyệt, hát nói...là những cấu tạo nhịp điệu đặc biệt, có lưng, vắn, chân, lối ngắt nhịp riêng độc đáo.

##### **6.4.3. Ngôn ngữ thơ giàu tính nhạc, tính họa**

Bằng những âm thanh luyến láy, bằng những từ ngữ trùng điệp, sự phối hợp bằng trắc và cách ngắt nhịp, nhà thơ đã xây dựng nên những câu thơ, những hình tượng thơ có sức truyền cảm lớn, tạo nên những cung bậc tình cảm tinh tế của người nghệ sỹ.

Thơ được xây dựng bằng những hình tượng NT có sức gợi cảm lớn. Thi trung hữu họa, trong thơ thể hiện những bức tranh hoàn mỹ mà người đọc có thể hình dung khi cảm nhận những vần thơ khắc họa. Đó là tính họa trong thơ.

##### **6.4.4.Ngôn ngữ thơ phải có tính biểu hiện:**

VH nói chung, thơ ca nói riêng phản ánh hiện thực c/s qua hình tượng NT. Nghĩa là điều mà nhà nghệ sĩ nhận thức, suy tư về c/s luôn được thể hiện một cách gián tiếp. Để làm được điều này người nghệ sĩ đi vào khai thác khả năng biểu hiện của ngôn ngữ. Đó là cách tổ chức sắp xếp ngôn ngữ sao cho từ một hình thức biểu đạt có thể có nhiều nội dung biểu đạt. Đó là quá trình chuyển nghĩa tạo nên lượng ngữ nghĩa kép trong thơ.

## **7. ĐẶC TRƯNG CỦA THƠ TRỮ TÌNH VÀ MỘT SỐ LỖI CẦN TRÁNH KHI PHÂN TÍCH THƠ TRỮ TÌNH.**

### ***Đặc trưng của thơ trữ tình.***

Thơ là một hình thức NT đặc biệt. Hệ thống cảm xúc, tâm trạng và cách thể hiện tình cảm, cảm xúc được xem như là đặc trưng nổi bật của thơ trữ tình. Trong các TP thuộc các thể loại như văn xuôi, tự sự, kịch... cũng có cảm xúc, tâm trạng, nhưng cách thể hiện thì rất khác so với thơ trữ tình. Cảm xúc của tác giả có trong các thể loại VH kể trên là thứ cảm xúc được thể hiện một cách gián tiếp thông qua hệ thống hình tượng nhân vật, các sự kiện XH và các diễn biến của câu chuyện... Trái lại, trong thơ trữ tình, tác giả bộc lộ trực tiếp cảm xúc của mình., VD trong đoạn thơ sau.

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ  
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi  
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,  
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá

(Tế Hanh – Quê Hương)

Người đọc cảm nhận được rất rõ tấm lòng và tình cảm nhớ nhung da diết của nhà thơ Tế Hanh đối với quê hương, nơi ông đã sinh ra, lớn lên và gắn bó một thời. Ở đây nhà thơ công khai và trực tiếp nói lên những tình cảm, suy nghĩ của chính mình. Khác cách thể hiện tình cảm trong thơ, chúng ta hay đọc đoạn văn sau:

*Hôm sau Lão Hạc sang nhà tôi, Vừa thấy tôi Lão báo ngay:*

*– Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ. !*

*– Cụ bán rồi?*

*– Bán rồi! Họ vừa bắt xong.*

*Lão cố gắng làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước...*

*Thế nó cho bắt à?*

*Mặt Lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu Lão nghẹo về một bên và cái miệng móm mém của Lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...*

(Nam Cao – Lão Hạc)

Người kể chuyện ở đây xưng “tôi”, nhưng “tôi” đây là ông giáo chứ không phải Nam Cao. Nhà văn hoàn toàn không xuất hiện mà giấu mình đi. Trong trang sách chỉ có ông giáo kể lại câu chuyện. Như thế phải qua cách kể chuyện và miêu tả nhân vật ông giáo về nỗi ân hận, đau khổ đến cùng cực của Lão Hạc. Chúng ta mới thấy được tấm lòng thông cảm, thái độ trân trọng yêu mến của Nam Cao đối với nhân vật này. Trong nhiều bài thơ trữ tình nhà thơ xưng “ta” chẳng hạn

“Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi”

(Tố Hữu)

Hoặc nhiều khi không thấy xưng “ta” hay “tôi” gì cả mà chỉ thấy một ai đó đang lẳng lặng kể và tâm sự, tâm tình, chẳng hạn

“Năm nay đào lại nở

Không thấy ông đồ xưa

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?”

(Ông Đồ)

Trong trường hợp như thế người ta xưng “ta” hoặc không xưng gì cũng đều là chính nhà thơ. Nghĩa là sau câu thơ vẫn hiện lên rất rõ tấm lòng và tình cảm sâu nặng của tác giả. Có những trường hợp nhà thơ mượn lời của một nhân vật nào đó, nhập vai vào một ai đó mà thổ lộ tâm tình (người ta gọi là trữ tình nhập vai) thì thực chất nhân vật trữ tình đó cũng chính là tác giả. Thế Lữ mượn lời con Hổ trong vườn bách thú để dốc bầu tâm sự của chính ông về nỗi chán ghét cái XH giả dối, nghèo nàn, nhố nhăng, ngớ ngẩn đương thời, để nói lên khát vọng tự do, khát vọng về một cái thời đi không trở lại... ông viết

“Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ

Thơ tung hoành hống hách những ngày xưa”

thì ta ở đây là con Hổ cũng chính là nhà thơ Thế Lữ

Như vậy khi chúng ta phân tích thơ trữ tình thực chất là chỉ ra tiếng lòng sâu thẳm của chính nhà thơ. Nhưng tiếng lòng ấy lại được thể hiện rất cô đọng và hàm súc bằng một NT độc đáo – NT ngôn từ. Tiếp xúc với một bài thơ trữ tình trước hết là tiếp xúc bởi một hình thức NT ngôn từ này. Nhà thơ gửi lòng mình qua những con chữ, trong những con chữ và các hình thức biểu đạt độc đáo khác. Tiếng kêu đau đớn ngọt ngào của Tố Hữu trước sự ra đi của chú bé liên lạc được thể hiện qua chữ “thôi rồi” và hình thức gấy nhịp của câu thơ.

“Bỗng lờ chớp đỏ

Thôi rồi lượm ơi!”

Như thế phân tích thơ trữ tình trước hết phải xuất phát từ chính các hình thức NT, ngôn từ mà chỉ ra vai trò và tác dụng của chúng trong việc thể hiện tình cảm, thái độ của nhà thơ. Nắm chắc đặc điểm và yếu tố trên chúng ta sẽ tránh được các lỗi dễ mắc trong việc phân tích và cảm nhận thơ trữ tình.

**Những lỗi cần phải tránh khi phân tích thơ trữ tình:**

- Chỉ phân tích nội dung và tư tưởng được phản ánh trong bài thơ, không thấy hình thức NT. Đây thực chất chỉ diễn xuôi nội dung thơ ra mà thôi
- Có chú ý đến các hình thức NT, nhưng tách rời các hình thức NT nhưng tách rời các hình thức NT ra khỏi nội dung (thường là gần kết bài mới nói qua một số hình thức NT được nhà thơ sử dụng trong bài)
- Suy diễn một cách máy móc, gượng ép phi lí các nội dung và vai trò, ý nghĩa của các hình thức NT trong bài thơ.

=> Tóm lại, để phân tích bài thơ trữ tình có cơ sở khoa học, có sức thuyết phục cần đến rất nhiều năng lực, nhưng trước hết người phân tích cần nắm được một số hình thức NT

## **8. MỘT SỐ YẾU TỐ HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT CẦN CHÚ Ý KHI PHÂN TÍCH THƠ TRỮ TÌNH.**

Đọc TP VH trước hết chúng ta tiếp xúc với những hình thức NT cụ thể của ngôn từ NT. Đó là những dấu câu và cách ngắt nhịp, là vần điệu, âm hưởng và nhạc tính, là từ ngữ và hình ảnh, là câu và sự tổ chức đoạn văn, là văn bản và thể loại của văn bản... Phân tích TP VH không được thoát ly văn bản có nghĩa là trước hết phải bám sát các hình thức biểu hiện lên của ngôn từ NT, chỉ ra vai trò và ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện nội dung. Vậy chúng ta phân tích thơ trữ tình phải dựa trên thi pháp.

**Nhịp thơ:**

- Nhịp điệu có vai trò, ý nghĩa quan trọng đối với thơ trữ tình. Nó giúp nhà thơ nâng cao khả năng biểu cảm, cảm xúc. Phân tích thơ trữ tình không thể không chú ý đến phân tích nhịp thơ. Để xác định nhịp điệu của từng bài thơ ngoài việc đọc từng câu thơ cho ngân vang âm điệu và làm bừng sáng hình ảnh thơ, việc nắm được đặc điểm chung của mỗi thể loại cũng là điều rất cần thiết. Thường thường nhịp điệu câu thơ lục bát uyển chuyển, mềm mại, thanh thoát, nhịp điệu thơ thất ngôn bát cú hài hòa, chặt chẽ, nhịp của thơ tự do, thơ hiện đại rất phóng khoáng, phong phú.
- Trong thơ trữ tình, cùng với dấu câu, cách ngắt nhịp cần được xem là một từ đa nghĩa, một từ đặc biệt trong vốn ngôn ngữ chung của nhân loại. Chúng ta đều biết rằng trong những tình huống giao tiếp thông thường của cuộc sống, im lặng lắm khi lại nói được rất nhiều: Khi căm thù tuột đỉnh, lúc xao xuyến băng khuâng, khi cô đơn buồn bã, lúc xúc động dâng trào... Những cung bậc tình cảm ấy nhiều khi không được mô tả bằng chữ nghĩa. Sự ngắt nhịp là một trong những phương tiện hữu hiệu để thể hiện “sự im lặng không lời” tạo nên “ý tại ngôn ngoại”, tính hàm nghĩa tạo ra điều không thể nói.

**Vần thơ**

- Tiếng Việt rất giàu tính nhạc. Hệ thống vần điệu và thanh điệu là những yếu tố cơ bản tạo nên tính nhạc của Tiếng Việt nói chung và ngôn từ VH nói riêng. Vì vậy khi phân tích thơ trữ tình cần chú ý phân tích vần thơ, cách gieo vần

VD:

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy

.....

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai.

- Vần của các câu được hiện với nhau trong đoạn thơ trên là sự hài hòa trong cùng một âm vực cao thấp, một trường độ âm thanh phát ra. Đó là sự hài hòa có được từ việc phối âm giữa các tiếng trong một cặp song thất. Xét từng cặp câu chúng ta thấy được sự hòa âm giữa câu 1 và câu 2, giữa câu 3 và câu 4 nhờ những âm giống nhau giữa tiếng thứ bảy của câu bảy và tiếng thứ năm của câu bảy ở câu song thất, giữa tiếng thứ sáu của câu sáu và tiếng thứ sáu của câu tám trong cặp lục bát. Với sự hòa âm này của các câu thơ như níu kéo, lưu giữ lấy nhau trong từng đoạn hay cả bài thơ tạo nên sự trầm lắng, mênh mông, băng khuâng, da diết của cái buồn trong đoạn thơ, góp phần biểu đạt một cách hiệu quả tâm trạng nhân vật trữ tình.

- Tạo nên nhạc tính của thơ thực ra không chỉ có vần và hệ thống âm điệu mà ngay cả các âm trong mỗi tiếng cũng có những giá trị biểu đạt nhất định. Theo Đinh Trọng Lạc âm “a” gợi sự vui tươi bao

la “Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha” (Phạm Tiến Duật), âm “r” gợi sự hãi hùng run sợ “Những luồng run rẩy rung rinh lá” (Xuân Diệu), Âm “u”, “âu” gợi sự u sầu băng khuâng “*Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu – Ngàn dâu xanh ngắt một màu*”.

– Có thể dẫn ra rất nhiều ví dụ để minh họa cho tính nhạc của ngôn ngữ Việt trong thơ. Khi ta phân tích TP VH (Nhất là thơ) cần hết sức chú trọng yếu tố này. Khi thấy âm hưởng, nhạc điệu của câu thơ không bình thường, có sự chuyển đổi thì hãy tập trung phân tích chỉ ra giá trị, vai trò và tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung.

### **Từ ngữ và các biện pháp tu từ:**

Đây là yếu tố cơ bản và quan trọng nhất của hình thức chất liệu ngôn từ. Bởi vì mọi nội dung cần thể hiện của TPVH không thể có cách nào khác là nhờ vào hệ thống từ ngữ ấy. Các phương tiện như dấu câu nhịp điệu ngữ âm đã nêu ở trên chỉ có ý nghĩa khi nằm trong một văn bản mà từ ngữ là nền tảng. Nhà văn muốn mô tả, tái hiện hiện thực phải thông qua từ ngữ. Muốn đánh giá được nhà văn viết về những điều đó như thế nào lại cũng phải thông qua chữ nghĩa trong văn bản “VH là NT của ngôn từ” Chính là như vậy. Do tầm quan trọng ấy mà người ta coi lao động của nhà văn là thứ lao động chữ nghĩa. Có thể nói ngôn từ là một đặc trưng quan trọng và nổi bật của VH. Vì thế phải chú ý một số điểm sau:

– **Thứ nhất:** Phân tích TP VH không thể thoát ly và bỏ qua yếu tố từ ngữ. Muốn phân tích tốt từ ngữ trước hết phải nắm vững nghĩa của từ (Nghĩa chung và nghĩa trong văn cảnh cụ thể) sau đó luôn luôn suy nghĩ và đặt câu hỏi: Tại sao nhà văn dung từ này mà không dung từ khác? VD: trong bài “Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh” của Lý Bạch, câu thơ đầu “Sàng tiền minh nguyệt quang”, tại sao tác giả lại dung từ “sàng” mà không dung từ “thượng” đều có nghĩa là giường? hoặc tại sao từ ngữ này lại xuất hiện nhiều như thế? Có bao nhiêu từ đồng nghĩa với từ này? Có thể thay từ khác được không? VD: Trong bài “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) trong khổ thơ cuối từ “vì” có thay từ khác được không? Tại sao tác giả lại dung từ đó? hoặc giáo viên có thể đặt câu hỏi “trong câu ấy, đoạn ấy từ nào cần chú ý?”

– **Thứ hai:** Người ta nói nhiều đến phân tích hình ảnh trong TP VH, nhưng phân tích hình ảnh trong TP VH là phân tích từ ngữ. Nhiều người đã nhầm tưởng phân tích từ ngữ và hình ảnh khác nhau nhưng thật ra là một. VD: Câu thơ của Nguyễn Du tả chân dung Tú Bà.

Thoát trông lờn lợt màu da  
Ăn gì to lớn đầy đà làm sao?

(Truyện Kiều)

Vẽ chính xác thần thái của một mục chủ nhà chứa, bọn buôn thịt bán người. Ta cũng thấy rõ thái độ của tác giả đối với loại người đó. Chữ “lờn lợt” lột tả được rõ nét nhất thần thái của Tú Bà! thực khó diễn tả bằng những từ ngữ khác: Vừa bóng nhẫy, vừa mai mác hay vàng bủng chẳng? Đó là bộ mặt “thiếu vệ sinh” có nhà phê bình cho rằng ta đọc câu thơ này có cảm giác lợm giọng là như thế. Còn hai chữ “ăn gì” lại dường như muốn liệt mục chủ chứa vào một giống loài gì đó không phải giống người. Bởi vì giống người thì ăn cơm, ăn thịt, ăn gạo, ăn cá ... “ăn gì” là sao? Đó là một ví dụ để thấy phân tích hình ảnh và phân tích từ ngữ là một điều giáo viên cần lưu ý

– Hệ thống từ ngữ hình ảnh, cảm giác trong Tiếng Việt rất phong phú, đa dạng

VD:

Gợi về tâm trạng như: xao xuyến, băng khuâng, phân vân ...

Gợi về thị giác: La đà, lơ lửng, chấp chới ...

Gợi về thính giác: mặn chat, chua lôm, ngọt lịm...

Gợi về xúc giác: Lạnh ngắt, nóng bỏng, xù xì...

– **Thứ ba:** Để tạo cách nói, cách viết có hình ảnh, gợi hình tượng bằng từ ngữ. Các nhà văn có thể vận dụng những cách: khi thì dùng từ láy:

VD:

Nỗi niềm chi rứa Huế ơi  
Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên  
(“Mẹ Tơm” – Tố Hữu)

VD:

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày  
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay  
(“Đồng Chí” – Chính Hữu)

– **Thứ tư:** Ngôn từ VH là loại ngôn từ đã được chắt lọc từ ngôn ngữ đời thường, được nâng cấp, sửa sang, làm cho nó càng óng ả, giàu đẹp hơn. Các biện pháp tu từ chính là những phương tiện quan trọng để thực hiện nhiệm vụ trang điểm cho ngôn từ VH. Có rất nhiều biện pháp tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, so sánh, điệp ngữ, ... Tất cả những biện pháp đó nhằm mục đích giúp người nói, người viết có những cách diễn đạt hay hơn, đẹp hơn, phong phú hơn, và do vậy mà hiệu quả cao hơn. Phân tích các biện pháp tu từ giáo viên cần chỉ ra tính hiệu quả của cách viết, cách nói ấy, vai trò và tác dụng của chúng trong việc miêu tả, biểu đạt chứ không phải đơn thuần chỉ gọi tên liệt kê các biện pháp mà nhà văn đã dùng.

### **Không gian và thời gian trong thơ trữ tình:**

Không gian trong thơ trữ tình là nơi tác giả – cái tôi trữ tình hoặc nhân vật trữ tình xuất hiện để thổ lộ tâm lòng của mình. Không gian thường gắn với địa điểm chỉ nơi chốn như: cây đa, bến đò, mái đình, giếng nước, núi cao, biển sâu, trời rộng, sông dài... Nhiều địa danh riêng đã trở thành những không gian tượng trưng VH như: Tiêu Tương, Tầm Dương, Cô Tô, Xích Bích, Tây Thiên, Địa Ngục, Thiên Đường, Bồng Lai, Tiên Cảnh, Cối Phạt, Suối vàng.... Khi đọc TP VH, chúng ta cần chú ý xem nhà văn mô tả không gian ở đây có gì đặc biệt, không gian ấy có ý nghĩa gì và nói được nội dung gì sâu sắc qua không gian đó.

## **II. THỰC HÀNH**

**Đề bài 1:** Bàn về thơ, R.Tagore viết: *“Cũng như nụ cười và nước mắt, thực chất của thơ là phản ánh một cái gì đó hoàn thiện từ bên trong”*. Anh (chị) hãy bình luận ý kiến trên.

### **Hướng dẫn làm bài**

#### **Vài nét về R.Tagore (1861- 1941)**

(Khi bình luận về ý kiến của một tác giả nào đó nên giới thiệu về tác giả đó để tăng cơ sở và tầm cỡ của ý kiến mà mình bình luận)

– R.Tagore là nhà thơ lớn của văn học Ấn Độ và của thơ ca thế kỷ XX. Là người đầu tiên châu Á đạt giải thưởng Nobel (1913).

– Trong cuộc đời sáng tạo, R.Tagore hoạt động trên nhiều lĩnh vực (Chính trị, Triết học, âm nhạc, hội họa, VHNT), nhưng lĩnh vực kết tinh tài năng của R.Tagore là thơ ca. R.Tagore được xem là một trong những tác giả lớn của thế kỷ XX.

Có thể nói, ý kiến của R.Tagore như một sự đúc rút từ những trải nghiệm của hơn 70 năm sáng tạo của ông...

**1. Giải thích câu nói của R.Tagore:** *“Cũng như nụ cười và nước mắt, thực chất của thơ là phản ánh một cái gì đó hoàn thiện từ bên trong”*

– Khi con người khóc hay cười đều thể hiện một trạng thái hay một nỗi niềm bên trong. “Thơ phản ánh một cái gì đó hoàn thiện từ bên trong”.

- “Cái gì đó” mà R.Tagore muốn nói chính là cảm xúc đã đến độ chín, và hơn thế nữa, không chỉ có cảm xúc mà còn là tư tưởng tình cảm, thái độ của nhà thơ trước cuộc đời. Nói khái quát hơn nữa đó là sự thống nhất giữa cảm xúc và lý trí, giữa tư tưởng và tình cảm của nhà thơ.

- “Thơ là tình của tình nhưng không phải là những cảm xúc hời hợt mà là lý trí đã chín muồi nhuần nhuyễn. Bài thơ bao giờ cũng gói ghém bên trong một chiều sâu suy nghĩ, chứa đựng ít nhiều chân lý tinh tế của cuộc đời” (Phương Lưu - Nhà nghiên cứu phê bình lý luận VH)

(Ví dụ: Tiếng hát con tàu của Chế Lan Viên, Đất nước của NĐT, BKSĐ của Hoàng Cầm...).

#### **2. Vì sao thơ lại phản ánh điều đó?**

+ Văn học bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, phản ánh cuộc sống (dù trực tiếp hay gián tiếp). Tuy nhiên, sự phản ánh hiện thực cuộc sống của văn học không đơn giản là một sự mô phỏng mà là một sự tái tạo thông qua thế giới chủ quan của người nghệ sĩ. Đối với thơ, điều này lại càng rõ nét. Nói đến thơ là nói đến cảm xúc. Nhà thơ tái hiện cuộc sống thông qua những rung động của chủ thể trữ tình - nhà thơ.

(Trước một hiện thực có người có thể làm được thơ nhưng có người lại không làm thơ được. Không thể ép người ta làm thơ...)

+ Chiều sâu của sự thể hiện cuộc sống là ở sức lay động tâm hồn người đọc, trước hết phụ thuộc vào độ chín của cảm xúc nhà thơ. “Khi tình cảm tự tìm cho mình một hình thức để bộc lộ ra ngoài thì ta có thơ” (R.Tagore)

### 3. Bình luận câu nói của R.Tagore:

(Phương pháp bình luận: Có hai cách

- Hoặc đánh giá trực tiếp.
- Hoặc thông qua một số ý kiến của các nhà văn

Trong trường hợp này, bình luận gián tiếp là hợp lý nhất.)

- “Thơ phải là bông hoa nảy nở ra từ lòng mình” (Quách Mạt Nhược - Nhà thơ cổ Trung Quốc)
- “Đối với thơ: Tình là gốc, lời là cành, thanh là hoa, nghĩa là quả” (Bạch Cư Dị)
- Tô Hữu khi nói chuyện về thơ: Tôi làm thơ không có bố cục trước mà cứ viết theo dòng cảm xúc tuôn chảy, khi nào hết cảm xúc thì hết thơ”

Từ những ý kiến trên đây, có thể thấy ý kiến của R.Tagore đã lột tả được bản chất của quá trình sáng tạo thơ ca, giúp chúng ta hiểu được mối quan hệ giữa nhà thơ và cuộc đời

**Lấy dẫn chứng một số tác phẩm đã học, đã đọc để phân tích, chứng minh ý kiến trên**

**Đề bài 2:** Có ý kiến cho rằng: “*Văn học lãng mạn thể hiện trực tiếp và sâu sắc cái tôi trữ tình tràn đầy cảm xúc*”. Bằng những hiểu biết về phong trào Thơ mới, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên

#### Hướng dẫn làm bài

##### Giới thiệu và giải thích ý kiến

- Cái tôi trữ tình: Cái cá nhân, bản ngã với những cá tính riêng, cảm xúc riêng, suy nghĩ riêng.
- VHLM có xu hướng thể hiện cái tôi trữ tình vì quan điểm mỹ học của VHLM là đề cao tình cảm, khát vọng của con người với sự khẳng định cái tôi cá nhân trong cuộc đời và vũ trụ.
- Phong trào Thơ mới ở nước ta là phong trào thơ LM. Đóng góp lớn nhất của Thơ mới là đem lại cho thơ tiếng nói trữ tình đầy cảm xúc với nhiều cung bậc.

**Thơ mới thể hiện cái tôi tràn đầy cảm xúc.**

- Cái tôi yêu đời, thiết tha với c/s – Xuân Diệu qua các bài thơ.
- Cái tôi cô đơn, buồn sầu: Huy Cận, Hàn Mặc Tử...
- Cái tôi tha thiết yêu quê hương, c/s: Nguyễn Bính, Huy Cận..

**Đề bài 3:** Có thể nói: “*Nồng nàn và trẻ trung là hai phẩm chất, đồng thời cũng là hai giọng điệu chính giọng thơ Xuân Diệu(..) Trong số đó, **Vội vàng** là một trong những thi phẩm thuộc loại tiêu biểu nhất cho giọng điệu nồng nàn của XD*”. Phân tích bài thơ **Vội vàng** để làm sáng tỏ ý kiến trên

#### Hướng dẫn làm bài

##### a. Làm rõ nội dung nhận định

- Nồng nàn và trẻ trung là 2 đặc điểm riêng, độc đáo, ổn định; trở thành một phần giá trị tư tưởng quan trọng của tác phẩm, làm nên phong cách nghệ thuật thơ XD trước 1945.
- Thơ có nhiều giọng điệu, nhưng nồng nàn, trẻ trung vẫn là sợi dây chủ đạo trong mạch cảm xúc của XD. Nó là nội dung cơ bản mà nhà thơ muốn bày tỏ với người, với đời. Nó luôn tương hợp và đồng nhất trong thơ ông.

##### b. Phân tích “**Vội vàng**” để chứng minh

- Khát vọng táo bạo, mãnh liệt, muốn đoạt quyền tạo hoá, để giữ mãi hương sắc của mùa xuân.
- Rạo rực, say đắm, ngất ngây trước sức sống tràn trề của đất trời mùa xuân, xem c/s là một thiên đường trên mặt đất.
- Nhạy cảm trước sự trôi chảy của thời gian:
- Hối hả, giục giã mọi người kịp hưởng thụ (bằng tất cả các giác quan) phần ngon nhất, đẹp nhất, trẻ trung nhất và nồng nàn nhất của cuộc đời: tình yêu và tuổi trẻ
- Lưu ý: Trong quá trình phân tích cần kết hợp các đặc sắc về mặt nghệ thuật
- + Những từ ngữ gây ấn tượng mạnh, mang tính cá thể hoá cao độ
- + Cách liên tưởng, so sánh độc đáo
- + Hình ảnh thơ cường điệu, mới mẻ, độc đáo
- + Giọng thơ thay đổi bất ngờ, linh hoạt
- + Cách ngắt nhịp, ngắt câu sáng tạo....

**Đề bài 4:** “*Con người tình nhân và con người thi nhân trong bài thơ **Vội vàng** của XD*”

#### Hướng dẫn làm bài

## Giải thích

- Tình nhân: người yêu, người tình, con người của tình yêu
- Thi nhân: Nhà thơ

## Phân tích, chứng minh

- Con người tình nhân:
  - + Con người yêu c/s, yêu thiên nhiên, yêu thế giới thắm sắc, đượm hương này -> cảm nhận thiên nhiên, c/đ như một thế giới đầy xuân tình, một mảnh vườn tình ái, một người tình đầy khêu gợi
  - + Nhà thơ cảm thấy thời gian, tuổi trẻ qua nhanh, một đi không trở lại-> tranh thủ sống, tranh thủ hưởng thụ.
  - + Con người tình nhân ấy hưởng thụ thiên nhiên, hưởng thụ c/đ theo một cách riêng: hưởng thụ thiên nhiên như hưởng thụ tình ái, yêu thiên nhiên mà thực chất là tình tự với thiên nhiên.
  - + Người thi sĩ ấy sống cuồng nhiệt, vội vã, gấp gáp, vồ vập như một tình lang trong một cuộc tình chệnh choáng men say.
- Con người thi nhân:
  - + Cảm nhận c/đ một cách tinh tế, nhạy bén -> quan niệm mới mẻ về thời gian, về mùa xuân và tuổi trẻ
  - + Cảm nhận thiên nhiên bằng mọi giác quan và thể hiện bằng những thủ pháp nghệ thuật riêng.

## Nhận xét, đánh giá

- Vội vàng là bài thơ tiêu biểu cho quan niệm sống của XD
- Tạo nên phong cách độc đáo của XD, là “nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới”

**Đề bài 5:** “Cái đẹp mà văn học mang lại không phải là cái gì khác hơn là cái đẹp của sự thật đời sống được khám phá một cách nghệ thuật”. Bằng việc tìm hiểu một số bài thơ đã học, hãy làm sáng tỏ

### Hướng dẫn làm bài

## Giải thích nhận định

- Cái đẹp của một TPVH: là những tư tưởng tốt đẹp, cao cả được thể hiện qua một hình thức nghệ thuật hấp dẫn, độc đáo
- VH bắt nguồn từ hiện thực c/s. C/s là điểm xuất phát (cảm hứng, đề tài...) và cũng là đích đến của TPVC, bởi lẽ VH được sáng tác để phục vụ cho c/s con người.
- TPVH chỉ có ý nghĩa thẩm mỹ, chỉ chinh phục được trái tim con người khi nó đụng chạm đến những vấn đề con người đang quan tâm, đang trăn trở.
- TPVH phản ánh c/s qua sự tìm tòi, sáng tạo mới mẻ, độc đáo cả về mặt nội dung lẫn hình thức nghệ thuật -> vẻ đẹp của một TPVH phải có sự hài hoà cả về mặt ND lẫn HT

## Biểu hiện qua một số bài thơ mới tiêu biểu

- Vẻ đẹp về mặt tư tưởng, cảm xúc
  - + Sự trỗi dậy mãnh liệt của cái tôi cá nhân, trực tiếp bộc lộ cảm xúc...
  - + Khám phá những khía cạnh tinh tế trong đ/s nội tâm con người, đặc biệt là tình yêu đôi lứa
  - + Cảm nhận tinh tế c/s đắm say, khát khao giao cảm với đời, với người, với thiên nhiên tươi đẹp
  - + Tình yêu quê hương, đất nước một cách thâm kín
- Vẻ đẹp về hình thức thể hiện
  - + Phong phú về đề tài, đa dạng về thể thơ
  - + Cách diễn đạt, dùng từ, hình ảnh mới mẻ, sáng tạo, độc đáo, mới lạ...
  - + Lời thơ giàu tính nhạc, ngắt nhịp đa dạng....

**Đề bài 6:** Nhận định về Thơ mới sgk Ngữ văn 11 Nâng cao viết: “Phân biệt thơ cũ và Thơ mới điều quan trọng nhất không phải ở phần “xác” mà là phần “hồn” của nó, hay nói như Hoài Thanh ở “tinh thần” Thơ mới (...). Ấy là cái tôi cá nhân nhìn đời, nhìn thiên nhiên bằng cặp mắt “tươi trẻ, xanh non” (X.Diệu) đồng thời thấy cô đơn trước vũ trụ và cuộc sống”. Anh/ chị hiểu nhận định trên như thế nào? Dựa vào các bài thơ Vội vàng, Tràng giang, Đây thôn Vĩ Dạ, hãy làm sáng tỏ nhận định.

### Hướng dẫn làm bài

## Giải thích nhận định

- Thơ mới khác thơ cũ ở phần xác (hình thức): Phá bỏ ước lệ, những khuôn mẫu gò bó, cứng nhắc trong thơ xưa để thể hiện mọi cảm xúc, biến thái tinh vi, phức tạp nhất của tâm hồn.

– Điều quan trọng hơn là phần hồn (Nội dung) – tinh thần Thơ mới “ngày trước là thời chữ ta, bây giờ là thời chữ tôi” (H.Thanh).

+ Con người cá nhân trong thơ xưa ẩn mình trong cái ta của cộng đồng. Có những tài năng muốn vượt thoát như HXH, NCT... nhưng chưa bao giờ giám phô diễn cái tôi.

+ Đến thời hiện đại, cùng với sự chuyển mình của XH, ý thức cá nhân bùng phát mạnh mẽ thành nguồn cảm hứng chủ đạo.

+ Cái tôi trong thơ thể hiện rất phong phú trên thi đàn. Nhưng chung quy phổ biến nhất là cái tôi “nhìn đời bằng cặp mắt tươi trẻ, xanh non” và cái tôi “cô đơn trước vũ trụ, c/s”.

+ Nhận định này rất đúng với các nhà thơ mới. Nhưng cũng cần thấy rằng sự phân cực như thế là rõ ràng, tuy nhiên ở một số nhà thơ ta thấy có sự kết hợp.

### **Phân tích, chứng minh**

#### **\* *Cái tôi “nhìn đời bằng cặp mắt tươi trẻ, xanh non”***

– Với cái tôi “nhìn đời bằng cặp mắt tươi trẻ, xanh non” nên XD mới:

+ Phát hiện bức tranh trần thế là một mâm cỗ thịnh soạn với vô số thực đơn: nắng, gió, hoa, lá (gần gũi thân quen); đồng nội xanh rì, cảnh thơ phơ phất, thân Vui gõ cửa..(trần đầy sức sống, tươi đẹp); ong bướm, tuần tháng mật, cặp môi gần...(tình tứ.quyến rũ).

+ Thay đổi cách nhìn: Về đẹp con người là chuẩn mực cho cái đẹp tự nhiên (nhìn đời qua lăng kính tình yêu).

+ Bộc lộ những ham muốn khác thường: Đoạt quyền tạo hoá

+ Cảm nhận thế giới bằng mọi giác quan (thị, thính, vị, khứu..)

– Ta cũng bắt gặp cái tôi ấy trong thơ Hàn. Về đẹp trần thế nơi thôn Vĩ thật:

+ Đẹp tinh khôi, trinh khiết, sống động: nắng mới, vườn mướt, xanh như ngọc...

+ Hữu tình: lá trúc che ngang....

#### **\* *Cái tôi “cô đơn trước vũ trụ, c/s”.***

– Mặc dù đối với XD cái tôi chủ đạo là cái tôi trẻ trung, khát khao giao cảm với đời, khát khao hưởng thụ nhưng người đọc vẫn phát hiện ra cái buồn cố hữu mang đặc trưng Thơ mới

+ Buồn vì sự hữu hạn của đời người

+ Buồn vì quy luật của cuộc đời

– Cũng như XD, Hàn Mặc Tử sau cái tôi say mê với c/s nơi thôn dã là cái buồn mất mát, chia lìa, hụt hẫng, nuối tiếc: gió theo lối gió, mây đường mây, dòng nước ử dột buồn thiu, càng về cuối nỗi buồn càng lắng đọng vì cái ảo ảnh càng ngày càng nhạt nhoà xa vời tầm với.. Kết thúc là câu hỏi nhưng thực chất là tiếng than. Cái buồn của Hàn còn thể hiện qua dòng hồi tưởng đứt nối chập chờn vô định.

– Có lẽ trong 3 nhà thơ, cái tôi cô đơn nhiều nhất không ai khác ngoài Huy Cận

+ Cảm thức trong thơ HC là cảm thức về thân phận con người trước vũ trụ lớn lao.

+ Tràng giang có 2 đối cực: Cái lớn lao rợn ngợp mệnh mông vô tận -> biểu tượng cho dòng đời, c/đ và cái nhỏ bé lạc loài -> biểu tượng cho kiếp người lạc lõng, bơ vơ

+ Cuộc đời và con người: mất liên lạc, không tín hiệu

+ Huy Cận tìm ra cái cực đối để diễn tả nỗi buồn, sự mất phương hướng của con người trước cảnh nước mất nhà tan

**Đánh giá:** Sự ra đời của Thơ mới, xuất hiện cái tôi là bước chuyển mình mạnh mẽ của văn học VN

**Đề bài 7:** Văn hào Đức W. Gớt từng nói: “*Sứ mệnh của con người là sống chứ không phải tồn tại*”. Qua 2 tác phẩm *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam và *Vội vàng* của Xuân Diệu hãy làm sáng tỏ nhận định.

### **Hướng dẫn làm bài**

#### **Giải thích câu nói**

– “Tồn tại”: có mặt như bản năng sinh tồn và sẵn có trong mỗi sự vật tự nhiên. Giống như thực vật muốn tồn tại thì phải hút nước, hấp thụ ánh nắng mặt trời. Động vật muốn sống thì phải kiếm ăn, săn mồi...

– “Sống”: không chỉ có mặt trên c/đ. Sống là phải được đáp ứng đầy đủ vật chất, tinh thần ở mức độ nào đó. Sống là phải biết ước mơ, biết hi vọng, biết phấn đấu, biết tận hưởng và tận hiến cho c/đ để c/s của mình không chỉ có ý nghĩa mà còn có ích cho người khác và cho XH.

- “Sứ mệnh của con người là sống chứ không phải tồn tại”: Con người được trao cho cái quyền được sống đích thực, sống đúng nghĩa và phải có nghĩa vụ sống có ích hơn với c/đ.
- Nhận định của Gót mang thông điệp của tinh thần nhân văn để con người sống là người nhất.
- Quan niệm ấy được thể hiện một cách rõ nét qua 2 tác phẩm *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam và *Vội vàng* của Xuân Diệu.

### **Phân tích, chứng minh**

#### **\* *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam**

- Giới thiệu khái quát về nhà văn Thạch Lam và truyện ngắn *Hai đứa trẻ*
- Thông điệp sống thể hiện qua c/s nơi phố huyện nghèo nàn, tù túng và buồn tẻ
- + Cảnh ngày tàn, phiên chợ tàn và những kiếp người tàn
- + Nhịp sống đơn điệu, tẻ nhạt: Ánh sáng leo lét, yêu ớt, âm thanh nhảm chán
- > Giữa một cảnh sống tù đọng, bí bách cả về vật chất lẫn tinh thần, con người hiện lên với niềm trân trọng: Họ đang sống hay tồn tại?
- Nhân vật Liên:
- + Cách sống vừa hồn nhiên, ngây thơ, vừa chín chắn, điềm đạm
- + Tâm hồn phong phú, trong sáng
- + Tấm lòng nhân hậu
- + Luôn khát khao a/s, nghĩ về quá khứ để hướng tới tương lai
- Những kiếp người trong phố huyện: Luôn quan tâm đến nhau, hỏi han, trò chuyện, giữ cho mình ước mơ về tương lai: “chừng ấy con người.....”
- Chi tiết đợi tàu: Chờ đợi niềm vui duy nhất của một ngày – khi tàu đi qua mang theo âm thanh, a/s “đem một chút thế giới khác đi qua” – nó giúp những con người “mờ mờ nhân ảnh” kia có thêm hi vọng, niềm tin, như ánh lửa loé lên nối tiếp sự sống đơn điệu hàng ngày của họ, và họ vượt lên trên cõi “tồn tại” để tiếp tục sống.
- => Đánh giá: Nhà văn Thạch Lam đã miêu tả chân thực, sinh động mảng đời sống của những kiếp người nghèo: Đơn điệu, buồn tẻ, nhảm chán. Nhưng thành công của Thạch Lam không phải ở sự phản ánh và lí giải hiện thực mà là khám phá thế giới bên trong người: trong sạch, nhân hậu, có ước mơ, có hi vọng -> luôn ý thức được “sứ mệnh sống” của mình

#### **\* *Vội vàng* của Xuân Diệu**

- Xuân Diệu là “nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới”. Thơ ông là “nguồn sống dào dạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này”.
- *Vội vàng* là bài thơ thể hiện rõ nhất tiếng thơ dào dạt của một tâm hồn trẻ lúc nào cũng thèm yêu, khát sống, say đắm c/đ, quyến luyến trần gian, thể hiện một quan niệm sống mới mẻ, tích cực
- + Khát vọng sống tận hưởng những gì tươi đẹp, trần thế nhất (ước muốn đoạt quyền tạo hoá, phát hiện thiên đường ngay trên mặt đất, tận hưởng những thanh sắc tươi ngon của bữa tiệc trần gian...)
- + Cuộc sống rạo rực, đắm say. XD say và tình tự cùng thiên nhiên.
- + Thái độ sống toàn tâm, toàn trí, toàn hồn. bằng tất cả thức nhọn giác quan
- + Lo lắng khi thời gian trôi đi (Biểu hiện của lòng ham sống, yêu đời, yêu c/s đến thiết tha)
- + Khao khát vô biên, giao cảm với đời, mạch cảm xúc ngày càng mãnh liệt, trái tim như muốn căng ra, muốn choán hết vũ trụ, đón lấy cuộc đời căng mọng sắc xuân.
- => Đánh giá: *Vội vàng* gửi gắm một quan niệm sống tích cực. Sống phải tận hưởng, tận hiến, sống có khát khao, sống hết mình, làm sao cho sự tồn tại của mình trên cõi đời thật có ý nghĩa. Không chấp nhận cuộc sống thờ ơ, nguội lạnh, nhạt nhẽo. Sống cho ra sống:

*“Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối.  
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm”*

### **Đánh giá chung**

- Đánh giá lại vấn đề
- + Cả Thạch Lam và Xuân Diệu cùng gửi gắm đến người đọc những quan niệm sống tích cực, nhân văn, cùng minh chứng cho nhận định đúng đắn của Gót
- + Thạch Lam bộc lộ niềm thương cảm chân thành đối với những kiếp người sống quẩn quanh, lay lắt, mờ xám, không tương lai trong ao tù nước đọng của xã hội cũ. Nhà văn đã thấu hiểu và nâng đỡ những khát vọng tinh thần, những ước mơ của những con người nhỏ bé ấy. Tác phẩm như một tiếng

kêu: Hãy cứu lấy những đứa trẻ, hãy thay đổi thế giới tăm tối này đi, sống cho ra sống, sống xứng đáng hơn với “sứ mệnh của con người”.

+ Xuân Diệu lại bộc lộ quan niệm sống tích cực. Đó là quan niệm sống tận hiến, tận hưởng, sống hết mình, sống mãnh liệt, nồng nàn, sống cho hiện tại, sống cho ra sống, sống xứng đáng hơn với “sứ mệnh của con người”.

– **Mở rộng liên hệ:**

+ Sống nhiệt thành, sống tận hưởng, tận hiến. Sống làm sao cho sự tồn tại của mình trên đời thật có ý nghĩa, phải đóng góp cho đời bằng một hoạt động nào đó có ích, để không phải thương mình sống mà như không.

+ Sống phải biết hạnh phúc, biết ước mơ, phấn đấu, cống hiến. Sống đúng sứ mệnh: Sống không phải tồn tại

+ Tuy nhiên không phải sống gấp, sống cuồng, sống vội để hưởng lạc. Cần xác định thái độ sống đúng đắn

+ Liên hệ:

. “Nếu là con chim chiếc lá/ Thì con chim phải biết hót, chiếc lá phải biết xanh...sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình” (Tố Hữu)

. “ Cái quý nhất của con người ta là sự sống. Đời người chỉ có một lần. Hãy sống sao cho khỏi xót xa ân hận vì những tháng ngày đã sống hoài sống phí, cho khỏi hổ thẹn vì dĩ vãng tì tiện và hèn đớn của mình, để khi nhắm mắt xuôi tay, có thể nói rằng: tất cả đời ta, tất cả sức ta đã hiến dâng cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời, sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người” (Paven Corsaghin)

. Bản thân: Thái độ sống, lí tưởng sống...

**Đề bài 8:** “Cái ngông của Tản Đà trong bài *Hầu trời* và cái ngông của Nguyễn Công Trứ trong bài *Bài ca ngất ngưỡng*”

### Hướng dẫn làm bài

**Giống nhau:**

– Phản ứng của người nghệ sĩ tài hoa, có cá tính, không chịu trời mình trong khuôn khổ chật hẹp của văn chương

– Phản ứng của những người trí thức có nhân cách trước một xã hội mà họ không thể chấp nhận và cũng không muốn chấp nhận.

**Khác nhau:**

– Cái ngông của Nguyễn Công Trứ trong bài *Bài ca ngất ngưỡng*: là ý thức rất cao về tài văn võ song toàn của bản thân, là sự khẳng định cá tính đặc biệt, thể hiện bản lĩnh của một nhân cách sống trong XH PK. Tuy chưa thoát khỏi sự khắc kỉ của một nhà nho nhưng ông đã có ý thức trỗi dậy để khẳng định mình

– Cái ngông của Tản Đà trong bài *Hầu trời*: Có nhiều điểm lặp lại cái ngông của Nguyễn Công Trứ. Nhưng do đặc thù về thời đại nên có những biểu hiện nổi bật khác. Tài năng mà Tản Đà muốn bộc lộ là tài thuộc phạm trù văn chương, ông không xem trong vấn đề “Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung” như Nguyễn Công Trứ. ông đã khẳng định tự do cá nhân một cách mạnh mẽ.

**Đề bài 9:** “*Tràng giang* đã nối tiếp mạnh mẽ thi cảm truyền thống và sự cách tân đích thực”. Hãy phân tích bài thơ *Tràng giang* để làm sáng tỏ nhận định

### Hướng dẫn làm bài

**a. Giải thích nhận định**

– Mạch thi cảm truyền thống? Cảm hứng sáng tác của VH truyền thống thường thiên về nỗi buồn:

+ Đó là cái buồn về thế thái nhân tình

+ Về cái nhỏ bé, hữu hạn của đời người trước cái vô hạn, vô biên của đất trời mà người ta thường gọi là “Nỗi sầu vũ trụ”

+ Cái buồn về quê hương đất nước

+ Cái buồn về biệt li, xa cách...

– Sự cách tân đích thực

Cách tân trước hết là sự đổi mới, trong thi ca hiện đại quá trình đổi mới ấy thể hiện trong hồn thơ và trong phương thức biểu hiện của nó

## **b. Phân tích văn bản để làm sáng tỏ**

– Mạch thi cảm truyền thống

+ Cảm hứng sáng tạo trong thơ Huy Cận thiên về thẩm mỹ không gian nên trong thơ ông thường lấy không gian làm nền nhạc. Trong Tràng giang là hình ảnh con người một mình đối diện với vũ trụ để cảm nhận cái vô cùng vô tận của đất trời và cái tôi bé nhỏ của kiếp người

+ Cảm hứng trong thơ HC còn là cảm hứng buồn bã. Phải chăng đó là khúc trữ tình của “Một chiếc linh hồn nhỏ, mang nang thiên cổ sầu”. Chính nỗi buồn, nỗi sầu thiên cổ ấy đã chi phối cách nhìn cảnh vật, thiên nhiên trong bài Tràng giang: Màu sắc nhạt nhoà, âm thanh xa vời, chơi vơi, chuyển động thì lặng lẽ, nhẹ nhàng quá...

+ Song hơn hết trong thơ HC vẫn là dòng chảy nối tiếp trong mạch nguồn tình cảm đối với quê hương đất nước.

-> Qua những tín hiệu thẩm mỹ trên chúng ta thấy nhà thơ mới HC “tiếp nối mạch thi cảm truyền thống”

– Sự cách tân đích thực

+ HC đến với không gian truyền thống nhưng lại mở không gian ấy ra ba chiều tứ tấp, vô tận vô cùng. Đó là không gian thường thấy trong những bức hoạ Phục hưng Phương Tây hay những bài thơ lãng mạn Pháp

+ Tràng giang còn có sự cách tân trong thể hiện cảm xúc. Khi đến với nỗi cô đơn nhỏ bé của con người, HC đã đưa nỗi buồn từ nơi xa về nơi gần, là cõi con người bằng những hình ảnh ẩn dụ cụ thể, sáng tạo: củi một cành khô, cánh bèo lưu lạc...

+ Người xưa thường nhìn thấy khói, thấy sóng trên sông mà gợi nỗi nhớ quê nhà; còn HC nỗi nhớ ấy cao độ hơn và cách diễn đạt cũng tân kỳ, sáng tạo hơn.

– Thể thơ bảy chữ với nhạc điệu phong phú, từ ngữ hàm súc, tinh tế đã đem lại cho Tràng giang một sự hài hoà giữa ý và tình, giữa cổ kính và hiện đại.

## **c. Đánh giá về những đóng góp của HC cho phong trào Thơ mới và cho VHVN**

**Đề bài 10:** Nhận định về thơ Xuân Diệu, sgv Ngữ văn 11 viết: “XD kết hợp truyền thống và hiện đại để sáng tạo”. Suy nghĩ của anh / chị về ý kiến trên? Phân tích một số tác phẩm trước CMT8 của XD để làm sáng tỏ ý kiến.

### **Hướng dẫn làm bài**

– XD có sự kết hợp truyền thống và hiện đại, Đông và Tây vì vừa ảnh hưởng chất thơ nghệ của cha, chất dân ca của mẹ, vừa có ảnh hưởng của văn hoá pháp một cách có hệ thống

– Yếu tố truyền thống: đề tài, thi tứ, hình ảnh...

– Yếu tố hiện đại: ngôn ngữ, cảm xúc, cách thể hiện...

– Sự kết hợp 2 yếu tố tưởng như đối lập nhau được XD vận dụng rất nhuần nhuyễn và sáng tạo

– HS lựa chọn văn bản để phân tích:

**Đề bài 11:** “Tôi để lòng tôi trong những câu, những tiếng, tôi đã ghi nhịp máu trong nhịp thơ, đã gói ghém hơi thở của tôi trong ít nhiều âm điệu”. Phân tích bài thơ Vội vàng để làm sáng tỏ nhận định.

### **Hướng dẫn làm bài**

#### **a. Giải thích**

– VH không chỉ là tấm gương phản chiếu cuộc sống mà còn là sản phẩm tâm hồn của người nghệ sĩ

– Với XD, thơ trở thành phương tiện để giải bày, bộc lộ những cảm xúc chân thật nhất: “Tôi để lòng tôi trong những câu, những tiếng, tôi đã ghi nhịp máu trong nhịp thơ, đã gói ghém hơi thở của tôi trong ít nhiều âm điệu”

#### **b. Phân tích để chứng minh**

– Thể hiện tiếng lòng thiết tha của XD: “Tôi để lòng tôi trong những câu, những tiếng”

+ Lòng yêu đời, yêu c/s đến cuồng nhiệt

+ Niềm khát khao giao cảm với đời, ước muốn vĩnh cửu hoá thiên nhiên, sự sống

+ ý thức về sự hữu hạn của cá nhân: dự cảm lo âu về thời gian và sự ngắn ngủi của tuổi trẻ

+ Quan niệm sống vội vàng, cuống quýt để tận hưởng những hạn phúc mà c/s trần thế ban sẵn trước mắt: Quan niệm nhận sinh mới mẻ.

– Dấu ấn riêng về nghệ thuật: “tôi đã ghi nhịp máu trong nhịp thơ, đã gói ghém hơi thở của tôi trong ít nhiều âm điệu”

+ Cảm hứng sáng tác: cái đẹp của thiên nhiên, đất trời

+ Cái tôi của XD mạnh mẽ, tràn trề cảm xúc nhưng cũng hết ức trữ tình  
+ Ngôn ngữ, giọng điệu thơ, thủ pháp nghệ thuật: cách tân táo bạo  
=> Chân dung XD với tâm hồn đa cảm, yêu thương; tài năng của một người nghệ sĩ tài hoa và một cái tôi khẳng định trước đất trời và cuộc đời. Bài thơ được xem là một thông điệp gửi đến thế hệ trẻ: Phải sống chân thành, tích cực để tận hưởng, tận hiến; không chấp nhận c/s mờ nhạt, lay lắt trong cái “ao đời phẳng lặng”

**Đề 12:** Trong tác phẩm Tùy Viên thi thoại nhà phê bình văn học Viên Mai viết: “*Làm người thì không nên có cái tôi nhưng làm thơ thì không thể không có cái tôi*”. Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ cái tôi của một số nhà thơ mới của phong trào thơ mới lãng mạn Việt Nam (1932-1945)

### **Hướng dẫn làm bài**

#### **1. Giải thích nhận định**

- “Làm người không nên có cái tôi” là bởi vì cái tôi ở đây được hiểu là biểu hiện của tư tưởng cá nhân, ích kỷ nhỏ bé tầm thường đáng lên án
- “Làm thơ không thể không có cái tôi” được hiểu là cái tôi xúc cảm là cá tính sáng tạo của nhà thơ.
- Ý kiến của Viên Mai nhấn mạnh đến cái tôi làm thơ. Ý kiến này đề ra yêu cầu đối với người làm thơ phải thể hiện được phong cách trong sáng tạo nghệ thuật, nhà thơ phải khẳng định được dấu ấn cá nhân chủ quan của mình trong thơ. Ý kiến này xuất phát từ đặc trưng của thơ và yêu cầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật.
- + Thơ chính là sự thể hiện mình một cách trực tiếp và chân thành nhất. Thơ chính là tiếng lòng của nhà thơ vậy.
- + Khi có những xúc cảm trào dâng mãnh liệt nhà thơ lại tìm đến thơ để giải bày sẻ chia.
- + Xúc cảm trong thơ không phải là của ai khác mà chính là những băn khoăn trăn trở những tình cảm suy nghĩ của chính nhà thơ trước con người và cuộc đời. Cho nên làm thơ không thể không có cái tôi.
- + “Sáng tác thơ chính là một thứ sản xuất đặc biệt và cá thể do chính cá nhân thi sĩ làm” (Xuân Diệu)
- + Sáng tạo nghệ thuật đòi hỏi nhà thơ phải có phong cách rất riêng, độc đáo – “cái tôi” thể hiện trong sáng tác của mình nếu không nhà thơ sẽ tự phủ nhận tư cách nghệ sĩ của mình cũng như tác phẩm của họ cũng chỉ là bản sao của người khác hoặc chỉ là những sản phẩm chung chung mờ nhạt. Thơ ca chỉ có giá trị khi in đậm cá tính sáng tạo cái tôi xúc cảm của chính nhà thơ, giống như khi dàn đồng ca cất lên vẫn thánh thót nhưng giọng điệu riêng không trộn lẫn.
- Cái tôi trong làm thơ thể hiện ở các phương diện của nội dung và hình thức trong tác phẩm.

#### **2. Phân tích và chứng minh**

- Điểm qua sự ra đời của phong trào thơ mới là sự trỗi dậy và khẳng định của cái tôi trong thơ.
- Điểm qua các gương mặt của phong trào thơ mới (trích dẫn nhận định của Hoài Thanh: trong dàn đồng ca của thơ mới...)
- Lựa chọn một số cái tôi của phong trào thơ mới.

##### **\* Cái tôi Xuân Diệu thể hiện qua bài thơ Vội Vàng**

- + Cái tôi xúc cảm đắm say, yêu đời yêu cuộc sống cuồng nhiệt khát khao giao cảm với đời.
- + Cái tôi lo sợ và ám ảnh trước bước đi, trôi chảy của thời gian.
- + Cái tôi ham mê khát khao giải phóng, thể hiện ái tình
- + Cái tôi khát khao đổi mới trong nội dung lẫn hình thức thể hiện.

(Chú ý nhấn mạnh yếu tố riêng khi phân tích nội dung và các phương diện của hình thức)

##### **\* Cái tôi Huy Cận qua bài Tràng Giang**

- + Cái tôi ám ảnh trước không gian và mang mối sầu vạn kỷ
- + Cái tôi tìm đến lối diễn đạt mang màu sắc cổ điển nhưng gửi gắm nỗi niềm cái tôi mang hơi thở của thời đại.

##### **\* Cái tôi Hàn Mặc Tử với Đây Thôn Vĩ Dạ**

- + Cái tôi khát khao sống khát khao yêu, khát khao hạnh phúc nhưng lúc nào cũng gắn liền với nỗi đau với nỗi ám ảnh chia lìa, sự mặc cảm số phận
- + Hình ảnh thơ tươi sáng nhưng mạch thơ vận động theo chiều càng hư ảo khó nắm bắt.

(HS cần bám sát văn bản phân tích chỉ rõ cái tôi biểu hiện trên 2 phương diện nội dung và nghệ thuật để thấy được gương mặt riêng của các nhà thơ).

### 3. Bình luận

- Ý kiến xác định yêu cầu cần có của người nghệ sĩ là phải tạo được dấu ấn phong cách riêng của mình trong con đường sáng tạo nghệ thuật của mình.
- Đồng thời chỉ dẫn cách xác lập, thẩm định tư cách nghệ sĩ của nhà văn cho người đọc

**Đề bài 13:** Hoài Thanh và Hoài Chân có nhận định: “*Thơ Xuân Diệu là một nguồn sống rào rạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này. Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, cuồng quýt, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui cũng như khi buồn, người đều nồng nàn, tha thiết*” (Thi nhân Việt Nam – NXB Văn học, Hà Nội, 1997, trang 106). Bằng những hiểu biết về thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám, anh (chị) hãy làm sáng tỏ ý kiến trên./.

#### **Hướng dẫn làm bài**

**1. Giới thiệu khái quát** về thơ Xuân Diệu, dẫn câu trích dẫn của Hoài Thanh và Hoài Chân.

#### **2. Giải thích nhận định**

– Ý kiến của Hoài Thanh và Hoài Chân đã chỉ ra đặc điểm nổi bật của thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám. Đó là niềm yêu đời, ham sống đến cuồng nhiệt, niềm khát khao giao cảm mãnh liệt với cuộc đời. Điều đó thể hiện qua cảm xúc yêu thương say đắm, tình yêu thiên nhiên nồng nàn, khát vọng sống vội vàng, tận hưởng vẻ đẹp của cuộc đời và thiên nhiên.

#### **3. Chứng minh nhận định**

- Thơ Xuân Diệu thể hiện được nhiều cung bậc của tình yêu say đắm – dẫn chứng.
- Thơ Xuân Diệu thể hiện tình cảm say đắm với thiên nhiên, đất trời – dẫn chứng.
- Thơ Xuân Diệu thể hiện niềm yêu đời, ham sống đến cuồng nhiệt – dẫn chứng.
- Thơ Xuân Diệu cũng thể hiện nỗi buồn, nỗi cô đơn của con người giữa cuộc đời, nỗi ám ảnh bởi sự trôi chảy của thời gian, nỗi cô đơn và cái chết – dẫn chứng.

#### **4. Bình luận mở rộng**

- Đây là ý kiến rất đúng đắn, sâu sắc thể hiện sự cảm thụ hết sức tinh tế và độc đáo “Lấy hồn ta để hiểu hồn người”.
- Sức hấp dẫn của thơ Xuân Diệu thể hiện trước hết ở độ “Nồng nàn, tha thiết” của cảm xúc, nhưng còn thể hiện ở sự cách tân táo bạo về ngôn ngữ thơ ca và sự cảm nhận cuộc sống một cách vô cùng tinh tế, lấy cái đẹp xuân tình của con người làm chuẩn mực để miêu tả thiên nhiên.

#### **5. Kết luận chung**

**Đề bài 14:** Nhà phê bình văn học Hoài Thanh cho rằng: “Nhà văn không có phép thần thông để vượt ra ngoài thế giới này nhưng thế giới này trong con mắt nhà văn phải có một hình sắc riêng” (Bình luận văn chương - Hoài Thanh- Nxb GD, 1998, trang 54). Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết về thơ Xuân Diệu trước Cách Mạng hãy phát hiện và làm sáng tỏ “hình sắc riêng” của thế giới này qua con mắt của Xuân Diệu.

#### **Yêu cầu cần đạt**

**Giải thích nhận định:** “*Nhà văn không có phép thần thông để vượt ra ngoài thế giới này nhưng thế giới này trong con mắt nhà văn phải có một hình sắc riêng*”

Ý kiến của Hoài Thanh khẳng định hai vấn đề:

- Thứ nhất: “nhà văn không có phép thần thông để vượt ra ngoài thế giới này”. Nghĩa là mọi chất liệu cấu thành nên thế giới nghệ thuật của một nhà văn không phải từ một thế giới xa lạ nào khác, nó là những gì tồn tại trong thế giới quen thuộc của tất cả chúng ta. Nhà văn “không có phép thần thông” mà chỉ là những người thu nhận và tái tạo chất liệu đời sống qua bàn tay sáng tạo của mình.
- Thứ hai: “thế giới này trong con mắt nhà văn phải có hình sắc riêng”. Đây là một trong những vấn đề cốt lõi của nghệ thuật. Từ những chất liệu quen thuộc của đời sống, nhà văn là người tạo lập một thế giới vừa quen vừa lạ, vừa thân thuộc vừa độc đáo. “Con mắt nhà văn” trong quan niệm của Hoài Thanh cần được hiểu rộng ra là cách nhìn, cách cảm, cách nghĩ. Bức tranh cuộc sống đi qua sự khúc xạ của con mắt nhà văn có một hình sắc riêng. “Hình sắc riêng” – đó là dấu ấn của cá tính sáng tạo.

#### **Khẳng định vấn đề mà nhận định đặt ra:**

Lời nhận định của Hoài Thanh đã đề cập đến một vấn đề cốt yếu của sáng tạo nghệ thuật: nhà văn là người tái tạo, sáng tạo một bức tranh cuộc sống độc đáo mới mẻ trên nền chất liệu quen thuộc của “thế giới này”

## **“Hình sắc riêng” của thế giới qua cái nhìn của Xuân Diệu.**

– Trước Cách Mạng, Xuân Diệu là gương mặt tiêu biểu của phong trào Thơ mới. Trong một thời đại nở rộ những tài năng thi ca độc đáo, Xuân Diệu vẫn để lại một dấu ấn không thể trộn lẫn. Ông có một cách nhìn, cách cảm nhận thế giới riêng biệt, từ đó dựng lại một bức tranh cuộc sống độc đáo trong những trang thơ của mình. Vẫn là những chất liệu đời sống quen thuộc của thế giới này như chim chóc, yến anh, cành lá, rừng liễu, hoa cỏ... nhưng qua con mắt của Xuân Diệu, chúng mang một hình sắc riêng:

+ Thế giới này qua con mắt Xuân Diệu mang vẻ đẹp xuân sắc và tình tứ. Đó là một khu vườn xuân đầy hương sắc, thanh âm và mật ngọt (Vội vàng). Đó là một “bài thơ dịu” hòa điệu giao duyên giữa thiên nhiên với thiên nhiên, con người với con người (Thơ duyên)

+ Thế giới này qua con mắt Xuân Diệu dường như đang phôi pha trong dòng chảy của thời gian. Đó là tiếng than thầm tiễn biệt vầng trăng giữa sông núi, là nỗi hờn phải bay đi của chim chóc (Vội vàng). Đó là bức tranh thu trong hành trình từ lúc thu tới đến khi thu xâm chiếm cả đất trời và lòng người (Đây mùa thu tới).

– Dù xuân sắc và tình tứ hay phôi pha và u buồn thì cũng đều là vẻ đẹp riêng biệt của bức tranh cuộc sống qua cảm nhận của Xuân Diệu. Nhà thơ đã nhìn nhận cuộc sống bằng cặp mắt xanh non biếc rờn, bằng cặp mắt đa tình và bằng cả nỗi ám ảnh thời gian của một con người luôn yêu từng giây từng phút của sự sống. Qua đó chúng ta nhận ra một cái Tôi Xuân Diệu: lãng mạn, tình tế, vừa khát khao giao cảm với đời, thức nhọn mọi giác quan để cảm nhận trọn vẹn cuộc sống vừa cô độc, băng khuâng trước dòng chảy của thời gian...

**(Chú ý:** Ngoài các thi phẩm được học và đọc thêm trong sách giáo khoa, thí sinh có thể mở rộng phạm vi dẫn chứng trong thơ Xuân Diệu trước Cách mạng. Đồng thời đánh giá cao những bài viết có so sánh liên tưởng để làm nổi bật nét riêng của Xuân Diệu)

**Đề bài 15:** Nhà thơ William Wordsworth (1770 – 1850) nói “*Thơ là sự biểu lộ của tình cảm mãnh liệt*”. Bằng hiểu biết của mình, anh (chị) hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

### ***Yêu cầu cần đạt***

#### ***Nội dung quan điểm***

– Thơ: là hình thái văn học đầu tiên của loài người, phản ánh cuộc sống, thể hiện những tâm trạng cảm xúc mạnh mẽ bằng ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là có nhạc điệu

– Biểu lộ: Biểu hiện ra dưới một hình thức nhất định

-> Tóm lại: Đặc trưng cơ bản của thơ: Giàu cảm xúc – cảm xúc mãnh liệt

#### ***Cơ sở của quan niệm***

- Xuất phát từ hiểu biết về đặc trưng của thơ ca: Thơ ca là sự thổ lộ tình cảm mãnh liệt đã được ý thức. Tính trữ tình là đặc trưng nổi bật nhất của thơ. Đối tượng của thơ là hứng thú tinh thần. Bản chất của thơ là trữ tình, tình cảm là điều kiện hàng đầu

- Nhiệm vụ của thơ là gọi lên cho nhận thức thấy sức mạnh của cuộc sống tinh thần và tất cả những gì lay động tâm hồn con người

- Tình cảm trong thơ không phải là tình cảm bản năng, trực tiếp mà là tình cảm được ý thức, thăng hoa, được lắng đọng. Tình cảm trong thơ là tình cảm lớn, đẹp, cao thượng thấm nhuần bản chất nhân văn, chính nghĩa, thông qua tình cảm đó nói lên tình cảm cảm dân tộc, gắn với đời sống nhân dân

– Như vậy tình cảm mãnh liệt có vai trò là điều kiện đầu tiên, khai sinh cho thơ ca và quyết định sự trường thọ hay đoản thọ của nó.

– Học sinh tìm dẫn chứng minh họa cho ý kiến trên.

#### ***Ý nghĩa của quan niệm***

– Với người sáng tác: là điều kiện đầu tiên cho sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ vì “*thiếu tình cảm thì có thể trở thành người thợ làm những câu có vần chứ không làm được nhà thơ.*” Jose Marty – Cuba. Cảm xúc mãnh liệt có vai trò khơi nguồn sáng tạo cho người nghệ sĩ “*Trong lúc làm thơ, nếu tôi cảm thấy những nhịp đập quen thuộc của con tim, tôi tin chắc rằng: câu thơ sẽ thuộc loại hay nhất mà tôi có thể đạt tới nổi*” (A.Muyse)

-> Từ đó, gọi mở cho người nghệ sĩ phải tích lũy vốn sống, nuôi dưỡng cảm xúc để tìm được nguồn cảm hứng sáng tạo.

- Với người tiếp nhận:
- + Giúp cho người tiếp nhận định hướng đánh giá giá trị của thơ ca qua cách biểu hiện cảm xúc của người viết.
- + Là cơ sở đánh giá thơ hay

### **Đề bài 16:**

...*Thơ của tôi là cánh cửa*  
*Không cho ai mở dễ dàng*  
*Thơ của tôi là hợp chất được làm*  
*Từ tức giận, tình yêu và xấu hổ...*  
*Là tất cả, thơ ơi chỉ trừ không là vô nghĩa.*

(Raxun Gamatôp – Nhà thơ Liên Xô cũ)

Bạn hiểu ý thơ trên như thế nào ? Hãy làm sáng tỏ ý thơ trên qua việc phân tích ba thi phẩm *Đây mùa thu tới* (Xuân Diệu), *Tương tư* (Nguyễn Bính), *Đầy thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử).

### ***Yêu cầu cần đạt***

#### **Giải thích ý thơ**

– Đây là một quan niệm về thơ đích đáng, được phát biểu bằng thơ của một nhà thơ. Thơ là nghệ thuật ngôn từ tinh tế, phức tạp (là cánh cửa - Không thể mở dễ dàng). Hình thức thơ thể hiện những cung bậc cảm xúc đa dạng phong phú, tác động, tư tưởng tình cảm mà thi sĩ kí thác, gửi gắm tới độc giả, thơ chính là tình đời tình người ngân lên trong những âm vang ngôn ngữ, kết cấu hình ảnh giọng điệu, nhịp điệu... không có ai chỉ nhai văn nhá chữ, chỉ chú trọng kĩ xảo ngôn từ mà thành nhà thơ (...là tất cả, ...chỉ trừ không là vô nghĩa). Nhà thơ đã nói được những đặc trưng cơ bản nhất của thơ trong quan hệ giữa tác giả và tác phẩm, tác phẩm trong quan hệ nội tại của nó, tác phẩm trong mối quan hệ với người đọc, với hiện thực đời sống trong một đoạn thơ ngắn. Muốn hiểu được thơ không chỉ cần nắm đặc trưng thể loại, kiến thức về tác giả, thời đại sản sinh ra nó... mà phải có tâm đón nhận phù hợp... tức phải có những chìa khóa, cách giải mã phù hợp trước những cánh cửa thơ không hề dễ mở để được đắm mình trong thế giới thơ.

#### **Mở cánh cửa để vào thế giới nghệ thuật của ba thi phẩm:**

– *Đây mùa thu tới* của Xuân Diệu *nhà thơ mới nhất trong những nhà thơ mới*. Đây là thi phẩm của thi sĩ mang nổi ám ảnh thời gian của cái tôi cá nhân thời hiện đại. Tứ thơ làm hiện hình bước đi của thời gian đáp xuống xứ Bắc Việt. Nó đáp xuống rừng liễu, khu vườn, nhánh cây, trong từng tế bào lá, cánh chim, rừng núi, dòng sông, vàng trăng và cuối cùng ngấm vào lòng thiếu nữ. Đó là cách cảm nhận thời gian tuyến tính một chiều khác hẳn cách cảm nhận thời gian trong thi ca trung đại phương Đông. Mạch cảm hứng của bài thơ vừa có nỗi buồn thu và niềm vui thu tới tạo thành cái băng khuâng, sự rung mình của một linh hồn trước sự gõ nhịp của thời gian. Buồn vì sao? Vui vì sao?. Sự mới mẻ của cảm xúc được thể hiện qua tài hoa của câu chữ mang dấu ấn Xuân Diệu, phép tương giao trong thơ tượng trưng pháp được thể hiện nhuần nhuyễn...

– *Đầy thôn Vĩ Dạ* lại là thế giới nghệ thuật của hồn thơ lạ nhất trong các nhà thơ mới. Đó là hồn thơ có cội nguồn Đau Thương và hiện ra dưới hình thơ Thơ Điên, là lời tỏ tình của một tình yêu đời đến đau thương, tuyệt vọng. Càng tuyệt vọng thấy đời càng đẹp, Đời càng đẹp lại càng tuyệt vọng và càng yêu thương lưu luyến níu đời. Mạch thơ cóc nhảy, bất định, ba câu hỏi mà câu hỏi ở khổ cuối như là sự trả lời cho câu hỏi ở khổ đầu. Cái tôi phân tán li hợp bất định, có sự đối lập giữa không gian ở đây và ngoài kia... Tất cả hiện ra trong những câu chữ mang đậm dấu ấn tài hoa, tâm huyết của người đứng đầu trường thơ Loạn Bình Định, một hồn thơ đã bước lãnh địa của thơ siêu thực ...

– *Tương tư* lại là thi phẩm của hồn thơ chân quê nhất trong những nhà thơ mới. Có một không gian, thời gian, tâm trạng tương tư... của cái tôi mang mặc cảm lỡ làng dang dở, cái tôi của những mối tương tư một chiều được thể hiện trong giọng điệu, câu chữ, hình ảnh, cách cảm nghĩ... và thể lục bát chân quê....

+ Đến với mỗi bài thơ, mỗi tác giả cần có những chìa khóa hữu hiệu để mở vào thế giới nghệ thuật của nó. Những chiếc chìa khóa về kiến thức văn học, văn hóa, sự từng trải và nghiệm sinh cuộc sống... nhưng không thể thiếu năng lực cảm thụ, trực cảm nghệ thuật của người tiếp nhận thơ.

**Đề bài 17:** Có ý kiến cho rằng: *Phát triển trong sự kế thừa và cách tân là một trong những quy luật tất yếu của văn học.* Anh (chị) hiểu điều đó như thế nào qua bài thơ *Tương tư* của Nguyễn Bính?

### ***Yêu cầu cần đạt***

#### **1. Giải thích:** Quy luật kế thừa và cách tân

– Kế thừa: Lịch sử văn học phát triển trong sự tiếp nối của nhiều thời kì, giai đoạn, nhiều bộ phận văn học. Nền văn học ra đời sau tất yếu phải tiếp thu những tinh hoa của nền văn học trước. Các tác giả văn học viết chịu ảnh hưởng, kế thừa những đặc sắc của văn học dân gian, Thơ mới học tập những tinh hoa của thơ ca cổ điển, thơ ca dân gian.... Sự kế thừa tiếp thu được biểu hiện trên nhiều phương diện: quan điểm sáng tác, các phương diện nội dung và hình thức của tác phẩm văn học: ở đề tài, cảm hứng..., ở thể loại, ngôn ngữ, hình ảnh, kết cấu..., cơ sở của sự tiếp thu: tác phẩm văn học của mỗi thời đại luôn mang những giá trị đặc sắc tất yếu mà tác phẩm của văn học giai đoạn sau có thể vượt qua nó.

– Quy luật cách tân: do yếu tố thời đại, do nhu cầu của người đọc, mỗi cây bút, mỗi giai đoạn cần phải mang đến cái mới cho lịch sử văn học-> cái mới có giá trị đích thực sẽ được thời gian công nhận.

#### **Phân tích, chứng minh**

##### **a. Sự tiếp thu văn học dân gian trong bài thơ *Tương tư***

– Đề tài: tương tư (nhớ nhớ của tình yêu đôi lứa, hoặc nhớ đơn phương) là đề tài quen thuộc của ca dao

– Viết theo thể thơ lục bát quen thuộc của thơ ca dân gian

– Mạch cảm xúc: có những cung bậc cảm xúc quen thuộc, điển hình trong thơ dân gian: nhớ nhung, tương tư gắn với khát khao chung tình, hướng đến hôn nhân.

– Cách thể hiện cảm xúc: để diễn tả cảm xúc và tâm trạng trữ tình dùng lối phú, tỉ, hứng quen thuộc

-> con người gắn với môi trường, các sự vật hiện nhiên đóng vai trò khơi gợi hoặc sẻ chia cảm xúc với nhân vật trữ tình.

– Hình ảnh, ngôn ngữ

+ Dùng nhiều hình ảnh cặp đôi diễn tả ý niệm lứa đôi -> điều có thể gặp trong ca dao, dân ca (dòng sông-cành hồng, coi-trầu, cây đa-con đò; mặn-đào, loan-phượng...)

+Ngôn ngữ: dùng biểu chất liệu ngôn từ dân gian: địa danh *thôn Đoài - thôn Đông*, thành ngữ *chín nhớ mười mong*, dùng các số từ *chín, mười, một*....

##### **b. Nét mới trong bài thơ *Tương tư* (4 điểm)**

– Thể thơ : nhìn chung ca dao thường ngắn -> đây là bài thơ lục bát trường thiên hiện đại

– Mạch cảm xúc: thể hiện mạch tâm trạng phong phú và trọn vẹn với những cung bậc cảm xúc điển hình nhất của mỗi tương tư (khác ca dao thường là những mảnh tâm trạng);

– Cách thể hiện cảm xúc: có nét mới so với ca dao khi nói về thiên nhiên phong phú, hệ thống -> từ đó hiện lên bức tranh làng quê hoàn chỉnh: hình ảnh chốn quê vừa là không gian vừa là phương tiện, ngôn ngữ để nhân vật trữ tình diễn tả nỗi tương tư một cách tự nhiên, kín đáo và tế nhị.

– Hình ảnh: dùng hình ảnh cặp đôi một cách phong phú và sắp xếp theo trình tự để thể hiện khát vọng lứa đôi nhuần nhuyễn và tế nhị: từ nhớ nhung-> khát vọng nhân duyên (từ *thôn Đoài - thôn Đông, bến-đò*...-> *cau - giầu*)

\*Đặt vào hoàn cảnh ra đời việc vận dụng yếu tố dân gian trong bài thơ còn là cách bày tỏ ý thức cội nguồn dân tộc, thể hiện niềm thiết tha với giá trị truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc.

#### **Đánh giá**

– Sự kế thừa và cách tân làm nên giá trị, sức sống cho tác phẩm văn học, làm nên phong cách tác giả, mang đến một diện mạo mới cho một giai đoạn, thời kì văn học và cả một nền văn học.

– Bài học cho người sáng tác và độc giả

+ Tác giả cần biết tiếp thu kế thừa những thành tựu văn học trước đó đồng thời biết tìm tòi, sáng tạo để làm nên diện mạo cho văn học thời đại

+ Độc giả: cần có nền tảng tri thức văn học để đánh giá đúng giá trị của tác phẩm văn học, biết được đâu là đóng góp sáng tạo, đâu là sự kế thừa tinh hoa văn học trước đó của nhà văn.

**\*Chú ý:** *Chấp nhận cách triển khai bài khác nhau của học sinh: ở mỗi khía cạnh có thể vừa nêu sự kế thừa vừa nói sự cách tân.*

**Đề bài 18:** Anh (chị) có suy nghĩ gì về câu nói của nhà văn Anatôle France: “*Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người*”. Hãy phân tích bài thơ “**Tương tư**” của Nguyễn Bính để thấy được vẻ tâm hồn con người mà anh( chị) gặp trong thi phẩm.

### ***Yêu cầu cần đạt***

#### ***1. Suy nghĩ về câu nói của nhà văn Anatôle France nói “Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ tâm hồn con người”***

– Câu nói đề cập đến đặc trưng của thơ ca và tiếp nhận thơ ca. Đặc trưng cơ bản của thơ là tiếng nói tâm hồn, tình cảm. Thơ là tiếng nói của tâm hồn con người “Thơ là những điệu hồn đi tìm những hồn đồng điệu”

– Thơ tác động đến bạn đọc một cách tổng hợp nhưng có thể nói “Hiểu thơ kì thực là vấn đề của tâm hồn”. Nhà thơ gói tâm tình của mình trong thơ và bạn đọc mở thơ ra thấy tâm tình của chính mình.

– Tiếng nói tâm hồn, tiếng nói tri âm đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sáng tác nghệ thuật đặc biệt là thơ ca. Đó là khâu đầu tiên cũng là khâu cuối cùng trong hoạt động sáng tác văn học: nhà văn-tác phẩm- bạn đọc.

#### ***2. Phân tích bài thơ Tương tư của Nguyễn Bính để thấy được vẻ đẹp tâm hồn con người ta gặp trong thi phẩm.***

– Giới thiệu Nguyễn Bính và bài thơ Tương tư. Đọc bài thơ ta không chỉ gặp một con người, một tâm hồn mà hàng triệu triệu tâm hồn Việt.

– Phân tích bài thơ hoà quyện vẻ đẹp của tình quê- duyên quê, cảnh quê, lời quê, giọng quê, qua đó cảm nhận:

+ Vẻ đẹp tâm hồn nhân vật trữ tình: một tâm hồn mộc mạc, trong sáng mà không kém phần tinh tế, đẹp đẽ của chàng trai thôn quê trong tình yêu.

+ Vẻ đẹp tâm hồn tác giả: Tương tư mang điệu tâm hồn của một con người tha thiết với con người, với quê hương xứ sở, với hồn xưa đất nước, đồng thời cũng mang nỗi khắc khoải da diết của một cái Tôi thơ mới trước sự biến thiên, lữ đờ của cuộc đời.

+ Vẻ đẹp của hồn quê, hồn xưa đất nước: Bài thơ là tiếng lòng chung, là vẻ đẹp tâm hồn của hàng triệu triệu người con đất Việt. Nguyễn Bính đã trở thành nhà thơ của hồn quê đất nước.

=> Khẳng định: Vẻ đẹp của bài thơ không phải là ở kĩ xảo ngôn từ mà là vẻ đẹp của tâm hồn trái tim toả ra từ câu chữ, nhạc điệu, tứ thơ. Yêu bài thơ, trân trọng những tâm hồn bình dị đẹp đẽ, ta thêm yêu, thêm tự hào về quê hương xứ sở, về tâm hồn Việt Nam đẹp đẽ, những con người Việt Nam tình nghĩa, tinh tế, tài hoa.

**Đề bài 19:** Bàn về ngôn ngữ trong thơ, Nguyễn Đình Thi viết: “*Điều kì diệu của thơ là mỗi tiếng, mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng gọi tên sự vật, bỗng tự phá tung mở rộng ra, gọi đến xung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, toả ra xung quanh nó một vùng ánh sáng động đậy. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gọi ấy.*” (Mấy ý nghĩ về thơ, Ngữ văn 12 Nâng cao, tập 1, tr. 52, NXBGD, 2008). Qua bài thơ Sóng (Xuân Quỳnh) và Đàn ghi ta của Lor-ca (Thanh Thảo), anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

### **Nêu vấn đề cần nghị luận.**

#### **Hiểu ý kiến của Nguyễn Đình Thi:**

– Ngôn ngữ thơ (chữ và nghĩa trong thơ) vừa có nghĩa do bản thân câu chữ mang lại (*nghĩa của nó, nghĩa gọi tên*) vừa có nghĩa do câu chữ gọi ra (*cảm xúc, hình ảnh, vùng ánh sáng lay động, sức gọi*).

– Khẳng định: Sức mạnh nhất của thơ là sức gọi ấy.

=> Bằng cách diễn đạt hình ảnh rất cụ thể và sinh động, Nguyễn Đình Thi đã nhấn mạnh và làm nổi bật một đặc trưng bản chất của thơ ca: ngôn ngữ trong thơ, vấn đề chữ và nghĩa. Tác giả vừa khẳng định vừa cắt nghĩa, lí giải sức mạnh của thơ nằm ở sức gọi.

#### **Chứng minh (7,0 điểm)**

Học sinh phải chỉ ra và phân tích được đặc điểm ngôn ngữ thơ trong hai bài thơ Sóng (Xuân Quỳnh) và Đàn ghi ta của Lor-ca (Thanh Thảo). Không nhất thiết phải phân tích cả bài mà có thể lựa chọn những câu thơ, đoạn thơ tiêu biểu để làm sáng tỏ vấn đề.

#### **• Bài thơ Sóng: (3,5 điểm)**

– Về chữ: ngôn ngữ dung dị mà chọn lọc tinh tế, gọi cảm, hàm súc, giàu tính ẩn dụ.

– Về nghĩa:

+ Nghĩa câu chữ: con sóng thực và các đặc tính của nó (*dữ dội, dịu êm, trên mặt nước, dưới lòng sâu...*)

+ Nghĩa mà sóng gợi ra (hình ảnh, cảm xúc...): những cung bậc tâm trạng người con gái trong tình yêu, những khát vọng hạnh phúc đời thường và khao khát tự hoàn thiện bản thân.

=> Ngôn ngữ thơ Xuân Quỳnh dung dị mà có sức gợi sâu xa từ hình ảnh thực mà liên tưởng đến tâm trạng người con gái trong tình yêu, khát vọng bất tử hóa, tự hoàn thiện bản thân để hướng tới những giá trị đích thực của cuộc sống. Chính sức gợi này đã tạo nên sức sống cho bài thơ.

• **Đàn ghi ta của Lor-ca (3,5 điểm)**

– Về chữ: lối thơ tự do, ngôn từ thơ giàu màu sắc tượng trưng siêu thực, giàu nhạc tính, mô hình mở giải phóng cảm xúc và tưởng tượng...

– Về nghĩa:

+ Hình tượng Lor-ca và những giai điệu, cung bậc của tiếng đàn ghi ta.

+ Nỗi đau xót trước cái chết đầy bi phần của Lor-ca, niềm trân trọng, đồng cảm của Thanh Thảo trước nhân cách cao thượng và vẻ đẹp tâm hồn Lor-ca...

=> Ngôn ngữ thơ có nhiều đổi mới, giàu tượng trưng thiên về gợi, không coi trọng tả thực, mỗi từ ngữ, hình ảnh, câu thơ đều có độ mở cho phép tiếp nhận dân chủ, sáng tạo. Sức gợi của ngôn ngữ thơ tạo ra mạch ngầm đa nghĩa cho tác phẩm.

**Đánh giá chung (1,0 điểm)**

– Về ý nghĩa của vấn đề: ý kiến của Nguyễn Đình Thi về một trong những đặc trưng bản chất của thơ không chỉ có tác dụng nhất thời mà ngày nay vẫn còn nguyên giá trị bởi ý nghĩa thời sự, tính chất khoa học đúng đắn.

+ Đối với người sáng tác: định hướng cho sự sáng tạo, làm thơ phải biết lựa chọn ngôn ngữ hàm súc, giàu sức gợi, có sức hấp dẫn, lôi cuốn...

+ Đối với người thưởng thức: định hướng tiếp nhận, đọc thơ không chỉ hiểu nghĩa câu chữ mà phải dụng ý lớp nghĩa được gợi ra từ câu chữ.

– Về bài thơ *Sóng* và *Đàn ghi ta của Lor-ca*.

**Đề bài 20:** Bàn về ngôn ngữ trong thơ, Nguyễn Đình Thi viết: “*Điều kì diệu của thơ là mỗi tiếng, mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng gọi tên sự vật, bỗng tự phá tung mở rộng ra, gọi đến xung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, tỏa ra xung quanh nó một vùng ánh sáng động đậy. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gợi ấy.*” (*Mấy ý nghĩ về thơ*, Ngữ văn 12 Nâng cao, tập 1, tr. 52, NXBGD, 2008). Qua bài thơ *Sóng* (Xuân Quỳnh) và *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo), anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

**Nêu vấn đề cần nghị luận. (0,5 điểm)**

**Hiểu ý kiến của Nguyễn Đình Thi: (1,5 điểm)**

– Ngôn ngữ thơ (chữ và nghĩa trong thơ) vừa có nghĩa do bản thân câu chữ mang lại (*nghĩa của nó, nghĩa gọi tên*) vừa có nghĩa do câu chữ gợi ra (*cảm xúc, hình ảnh, vùng ánh sáng lay động, sức gợi*).

– Khẳng định: Sức mạnh nhất của thơ là sức gợi ấy.

=> Bằng cách diễn đạt hình ảnh rất cụ thể và sinh động, Nguyễn Đình Thi đã nhấn mạnh và làm nổi bật một đặc trưng bản chất của thơ ca: ngôn ngữ trong thơ, vấn đề chữ và nghĩa. Tác giả vừa khẳng định vừa cắt nghĩa, lí giải sức mạnh của thơ nằm ở sức gợi.

**Chứng minh (7,0 điểm)**

Học sinh phải chỉ ra và phân tích được đặc điểm ngôn ngữ thơ trong hai bài thơ *Sóng* (Xuân Quỳnh) và *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo). Không nhất thiết phải phân tích cả bài mà có thể lựa chọn những câu thơ, đoạn thơ tiêu biểu để làm sáng tỏ vấn đề.

• **Bài thơ *Sóng*: (3,5 điểm)**

– Về chữ: ngôn ngữ dung dị mà chọn lọc tinh tế, gợi cảm, hàm súc, giàu tính ẩn dụ.

– Về nghĩa:

+ Nghĩa câu chữ: con sóng thực và các đặc tính của nó (*dữ dội, dịu êm, trên mặt nước, dưới lòng sâu...*)

+ Nghĩa mà sóng gợi ra (hình ảnh, cảm xúc...): những cung bậc tâm trạng người con gái trong tình yêu, những khát vọng hạnh phúc đời thường và khao khát tự hoàn thiện bản thân.

=> Ngôn ngữ thơ Xuân Quỳnh dung dị mà có sức gợi sâu xa từ hình ảnh thực mà liên tưởng đến tâm trạng người con gái trong tình yêu, khát vọng bất tử hóa, tự hoàn thiện bản thân để hướng tới những giá trị đích thực của cuộc sống. Chính sức gợi này đã tạo nên sức sống cho bài thơ.

- **Đàn ghi ta của Lor-ca: 3,5 điểm**

- Về chữ: lời thơ tự do, ngôn từ thơ giàu màu sắc tượng trưng siêu thực, giàu nhạc tính, mô hình mở giải phóng cảm xúc và tưởng tượng...

- Về nghĩa:

- + Hình tượng Lor-ca và những giai điệu, cung bậc của tiếng đàn ghi ta.

- + Nỗi đau xót trước cái chết đầy bi phần của Lor-ca, niềm trân trọng, đồng cảm của Thanh Thảo trước nhân cách cao thượng và vẻ đẹp tâm hồn Lor-ca...

=> Ngôn ngữ thơ có nhiều đổi mới, giàu tượng trưng thiên về gợi, không coi trọng tả thực, mỗi từ ngữ, hình ảnh, câu thơ đều có độ mở cho phép tiếp nhận dân chủ, sáng tạo. Sức gợi của ngôn ngữ thơ tạo ra mạch ngầm đa nghĩa cho tác phẩm.

**Đánh giá chung (1,0 điểm)**

- Về ý nghĩa của vấn đề: ý kiến của Nguyễn Đình Thi về một trong những đặc trưng bản chất của thơ không chỉ có tác dụng nhất thời mà ngày nay vẫn còn nguyên giá trị bởi ý nghĩa thời sự, tính chất khoa học đúng đắn.

- + Đối với người sáng tác: định hướng cho sự sáng tạo, làm thơ phải biết lựa chọn ngôn ngữ hàm súc, giàu sức gợi, có sức hấp dẫn, lôi cuốn...

- + Đối với người thưởng thức: định hướng tiếp nhận, đọc thơ không chỉ hiểu nghĩa câu chữ mà phải dựng dậy lớp nghĩa được gợi ra từ câu chữ.

- Về bài thơ *Sóng* và *Đàn ghi ta của Lor-ca*.

**Đề bài 20:** (12 điểm). Mỗi bài thơ hay là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo, có khả năng làm sống dậy trong lòng người đọc những liên tưởng phong phú. Cảm nhận của anh/chị về một bài thơ như thế.

**1. Giải thích:**

- *Bài thơ hay là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo*: mới mẻ về nội dung, đặc sắc về nghệ thuật.

- *Có khả năng làm sống dậy trong lòng người đọc những liên tưởng phong phú*: gợi nhắc các tác phẩm văn học nghệ thuật khác, đánh thức những rung động trong lòng người ...

**2. Cảm nhận về một bài thơ như thế:**

Học sinh có thể chọn một bài thơ theo cảm nhận riêng của mình, miễn là:

- Bài viết chỉ ra và phân tích được những đặc sắc trong nghệ thuật sử dụng ngôn từ, sáng tạo hình ảnh, nhịp điệu, xây dựng hình tượng,... để làm nổi bật cảm xúc của chủ thể trữ tình.

- Từ cảm nhận về bài thơ, người viết có được những liên tưởng đa chiều hướng đến những lời thơ, câu văn đẹp khác có nét gần gũi về đề tài, chủ đề, bút pháp...; gợi những cảm xúc sâu lắng trước vẻ đẹp muôn màu của cuộc sống...

**Đánh giá:**

- Đóng góp của bài thơ về nội dung và nghệ thuật.

- Người đọc cần có ý thức bồi dưỡng tâm hồn, trau dồi kỹ năng, tích lũy kiến thức để phát huy khả năng liên tưởng trong quá trình cảm nhận tác phẩm văn học.

**Đề bài 21:** Trong cuốn Trò chuyện với các bạn làm thơ trẻ, thi sĩ Xuân Diệu đã khẳng định: “Sáng tác thơ là một việc do cá nhân thi sĩ làm, một thứ sản xuất đặc biệt và cá thể. Anh phải đi sâu vào tâm hồn cá biệt của anh để nói cái to tát của xã hội, cái tốt đẹp của chế độ, để tránh cái khô khan nhạt nhẽo, anh phải có cái cá tính, anh phải trau dồi cái độc đáo mà công chúng rất đòi hỏi. Nhưng đồng thời anh phải đấu tranh để cái việc tự sáng tạo ấy không trở thành anh hùng chủ nghĩa”. (NXB Văn học, Hà Nội, 1961, trang 8)

**BÀI LÀM**

Tâm hồn con người cả một thế giới phong phú. Thơ là sản phẩm của tâm hồn, nên nó mang lắm điều kì diệu. Sáng tác thơ là một công việc đặc biệt. Ở mỗi bài thơ, vai trò cá nhân người thi sĩ rất lớn. làm thơ, đòi hỏi nhà thơ phải xác định cho được cái tôi của mình. Điều này đã được nhiều nhà thơ khẳng định. Chính Xuân Diệu trong cuốn Trò chuyện với các bạn làm thơ trẻ đã nhấn mạnh:

“Sáng tác thơ là một việc do cá nhân thi sĩ làm, một thứ sản xuất đặc biệt và cá thể. Anh phải đi sâu vào tâm hồn cá biệt của anh để nói cái to tát của xã hội, cái tốt đẹp của chế độ, để tránh cái khô khan, nhạt nhẽo, anh phải có cá tính, anh phải trau dồi cái độc đáo mà công chúng rất đòi hỏi. Nhưng đồng thời, anh phải đấu tranh để cái việc tự sáng tạo ấy không trở thành anh hùng chủ nghĩa”.

Trong cuộc sống, không phải ai cũng làm được thơ mặc dù trong mỗi con người mà tạo hoá sinh ra đều có chất thi sĩ. Làm thơ đã khó, làm thơ hay lại càng khó hơn. Ngay ở những nhà thơ lớn, không phải bài nào cũng hay. Bởi thơ là một sáng tạo rất “đặc biệt”, rất “cá thể”.

Thơ là sản phẩm của tâm hồn. Nói cho cụ thể hơn, thơ là con đẻ của “những trạng thái tâm hồn”. Ngay điều đó so với quá trình tạo ra các sản phẩm khác, nó đã đặc biệt lắm rồi. Mỗi tâm hồn là một vương quốc riêng, đầy bí ẩn, tuy giữa những tâm hồn có những làn sóng giao thoa nhau. Chính vì thế nên thơ không thể là sự “cộng tác” của những tâm hồn, cho dù là “những tâm hồn đồng điệu”. Nó là “một việc do cá nhân thi sĩ làm”. Có thể trong một phút rung động, một trạng thái khác thường, tràn đầy cảm xúc của thi sĩ, thể là thơ ca ra đời. Phút rung động ấy ở nhà thơ này không giống nhà thơ khác, nếu nhà thơ để giây phút ấy qua đi, thì khó có thể tìm thấy nó ở những thời điểm khác. Trong lĩnh vực văn học nghệ thuật nói chung và thơ ca nói riêng, cá nhân người nghệ sĩ có vai trò quyết định. Một tác phẩm xuất sắc là kết quả sáng tạo của một thi sĩ, ra đời trong một hoàn cảnh lịch sử nhất định, không có sự trùng lặp. Điều đó giúp chúng ta cắt nghĩa tại sao cho đến bây giờ chế độ tốt đẹp của chúng ta vẫn chưa sản sinh ra được một Nguyễn Du, một Truyện Kiều. Làm thơ là cả một quá trình lao động nghệ thuật nặng nhọc và lâu bền. Nhưng theo tôi, đây cũng chỉ là một trong những yếu tố tạo nên “sức nặng” cho bài thơ. Điều quan trọng hơn có lẽ phải kể đến tài năng cá nhân, đôi khi do bẩm sinh, của người nghệ sĩ. Bông hồng vàng của Pauxtôpxki có cái lóng lánh sắc vàng của những vảy vàng góp nhặt bằng bàn tay lao động, bằng sự miệt mài, bằng nghị lực phi thường. Nhưng thật là thiếu sót, nếu chúng ta sàng sảy. Tôi nghĩ, chính cái khác biệt, cái riêng lẻ là phần tạo nên giá trị của Bông hồng vàng, làm cho chúng ta luôn nhớ tới Pauxtôpxki.

Sáng tác thơ là một thứ sản xuất đặc biệt và “cá thể”. Đặc biệt và cá thể đến mức mỗi sáng tác là một sự tồn tại duy nhất. Đó là tính đơn nhất của nghệ thuật. Đó cũng là một quy luật hết sức nghiêm ngặt trong sáng tác nghệ thuật. Không đảm bảo quy luật đó, bài thơ sẽ chẳng để lại trong trái tim người đọc một điều gì, do đó đương nhiên nhà thơ nhanh chóng bị lãng quên. Có nhiều bài thơ cùng viết về một đề tài, có khi trùng hợp trong một đề tài hẹp. Thế nhưng chúng vẫn có thể hiện diện ở trong các tuyển tập, không bị quy luật khắc nghiệt nói trên đào thải, nếu như mỗi thi sĩ có một cách riêng, đảm bảo được tính đơn giản nhất cho tác phẩm của mình.

“Sáng tác thơ là một việc do cá nhân thi sĩ làm”-đó là một sự hiển nhiên. Sự hiển nhiên ấy đòi hỏi người làm thơ phải để lại ở mỗi bài thơ, mỗi tập thơ dấu ấn riêng biệt của mình.

Trong tác phẩm nghệ thuật nói chung và nhất là trong bài thơ ca nói riêng, dấu ấn cá nhân được thể hiện trên nhiều phương tiện. Nó có thể được người đọc nhận thấy ở cả nội dung lẫn hình thức, ở trong cách cảm, cách nghĩ,...của nhà thơ. Theo tôi, người đọc luôn tìm ở nhà thơ những quan điểm riêng trước cuộc sống, tìm ở nhà thơ một cách nói mới mẻ, độc đáo,...

Con người và cuộc sống từ ngàn xưa đã là đối tượng phản ánh của thơ ca. Nhưng cuộc sống và con người trong thơ ca là cuộc sống và con người được phản ánh qua một lăng kính rất cụ thể, rất cá biệt-đây là tâm hồn, tư tưởng, tình cảm, ...của người nghệ sĩ. Nếu như các ngành khoa học tự nhiên loại trừ các yếu tố cá biệt để xác lập tính quy luật có giá trị phổ quát, thì văn học nghệ thuật, trong đó có thơ ca, lại chỉ có thể tồn tại trong cuộc đời khi có dấu ấn của sự cá biệt. Trong mỗi một bài thơ hay, người đọc đều tìm thấy một tấm lòng, một nỗi niềm, một ước vọng, một khao khát riêng tư,...

Nhưng thơ không chỉ nói cái gì riêng của nhà thơ, mà phải thông qua cái riêng ấy để nói lên những lo toan chung, sướng khổ chung của cuộc sống và của mọi người, của mọi thế hệ. Đọc Truyện Kiều, nhiều thế hệ tìm thấy nét rất riêng của cụ Nguyễn Tiên Điền, đồng thời cũng tiếp nhận được một điều gì đó gần gũi, hữu ích cho mình, cho cuộc sống hôm nay. Đúng nhà thơ “phải đi sâu vào tâm hồn cá biệt” của mình “để nói cái to tát của xã hội”, “cái tốt đẹp của chế độ”, nhà thơ phải tạo ra được những tâm trạng điển hình. Đó là một đòi hỏi, một phẩm chất của thơ ca.

Có nhà thơ đã nói: “Thơ chỉ bật ra khi trong tim ta cuộc sống đã tràn đầy”. Chất liệu cuộc sống trên đường thâm nhập vào tác phẩm đã mang theo bao nỗi niềm của người sáng tạo. và khi bài thơ trở lại với cuộc đời, nó đã in dấu “tâm hồn cá biệt” của nhà thơ. Thật chí lý khi một nhà thơ nước ngoài

nói đại ý : Thế giới nứt làm đôi, vết nứt xuyên qua con tim nhà thơ. Nỗi đau ấy, khi đến với chúng ta đã “nhuộm máu” người nghệ sĩ. Chất cá tính trong thơ làm cho tác phẩm khỏi “kho khan” và “nhạt nhẽo”, làm cho thơ nói được điều ngàn xưa đã nói mà vẫn mới mẻ như thường. Công chúng đến với thơ đâu phải chỉ để tìm những tri thức về con người và xã hội, mà họ còn thú vị trước sự độc đáo của một tâm hồn, trước tài năng của đồng loại. Đọc một bài thơ, người ta nghĩ về cuộc sống, về con người, về một tâm hồn thơ “cá biệt”. Sự hiện diện của cá nhân người nghệ sĩ trong bài thơ mở ra cho người đọc nhiều vấn đề có ý nghĩa, gợi lên một sự say mê, hấp dẫn. Nhà thơ đi sâu vào tâm hồn riêng tư của mình để nói những điều nhiều người cùng suy nghĩ, cũng quan tâm. Cho nên điều nhà thơ nói đến đối với chúng ta nhiều khi sâu sắc đến lạ kì. Tính cá thể trong lao động thơ đã góp phần làm nên sức mạnh đặc trưng của thơ. Con người mà nhà thơ để lại trong thơ của mình phải là con người có cá tính. Chúng ta cần sự độc đáo của cá tính ấy, do đó mỗi nhà thơ nên có một phong cách thơ.

Rõ ràng, sáng tác thơ là một công việc rất đặc biệt, rất khó khăn, đòi hỏi người nghệ sĩ phải hình thành một cá tính sáng tạo. Tuy vậy-theo Xuân Diệu-tuyệt nhiên không nên thổi phồng cái cá biệt, cái độc đáo lên một cách quá đáng. Điều đó không hợp với thơ và không phải là phẩm chất của người làm thơ chân chính. Hãy sáng tác thơ một cách tự nhiên, bình dị, phải đấu tranh để cái việc tự sáng tạo ấy không trở thành “anh hùng chủ nghĩa”. Trong khi sáng tác, nhà thơ không thể cứ chăm chăm nghĩ rằng mình phải ghi dấu ấn của mình vào trong thơ này, tập thơ nọ. Chính trong quá trình lao động, dồn toàn tâm, toàn ý, bằng xúc cảm tràn đầy, có thể nhà thơ sẽ tạo ra được bản sắc riêng biệt của mình trong những giây phút cầm bút.

Tính đặc thù của thơ đòi hỏi cái “tôi” của nhà thơ phải có chỗ đứng đặc biệt, nhất là đối với thơ trữ tình. Ở nước ta, có lẽ dòng văn học lãng mạn là dòng văn học trong đó các nhà thơ sớm có ý thức về cái “tôi” của mình. Câu thơ Xuân Diệu trước cách mạng tháng Tám:

Ta là một, là riêng, là thứ nhất  
Không có chi bè bạn nổi cùng ta.

Vừa có cái ngạo nghễ, cực đoan của một nhà thơ trẻ sớm được xã hội thừa nhận, song vừa là sự khẳng định cái cá biệt, độc đáo-một yêu cầu không thể thiếu được của quá trình sáng tạo nghệ thuật, nhất là thơ ca.

Nhà thơ phải có cá tính, có sự độc đáo. Những phẩm chất đó khắc chạm thơ anh vào tâm trí người đọc, khẳng định sự tồn tại của tác phẩm nghệ thuật. Thơ yêu cầu có cá tính, cá tính này có giá trị thẩm mĩ, để thông qua tâm hồn nhà thơ nói lên những điều mọi người cùng trăn trở, lo toan. Lời tâm sự của Xuân Diệu thật đúng đắn cả về mặt lí luận cũng như trên thực tế sáng tác. Lời tâm sự ấy rút ra từ chính cuộc đời làm thơ, sống hết mình vì thơ của Xuân Diệu và nhớ đến những vần thơ bỏng cháy yêu đương rất Xuân Diệu: Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi!

Hãy đập vào tim anh, thiên tài là ở đó. Khi ấy những bài thơ của riêng anh sẽ ra đời. Đó cũng chính là bài thơ của mọi người, bài thơ mới nhất.

**Trần Thị Ngọc Hoa**

*Trường THPT chuyên Phan Bội Châu-Nghệ An Đạt giải nhất quốc gia 1988*